



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2024 VÀ TRIỂN KHAI
NHIỆM VỤ NĂM 2025 CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2024

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Năm 2024, tình hình phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung và ngành Công Thương nói riêng diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có những biến động lớn và khó lường với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức từ tăng trưởng yếu và lạm phát giảm chậm, chính sách tiền tệ thắt chặt từ những năm trước tiếp tục duy trì đến hết Quý 3 mới được nới lỏng một phần, chuỗi cung ứng toàn cầu, các luồng vận tải trọng yếu luôn đứng trước nguy cơ đứt gãy, gián đoạn. Xu hướng phi toàn cầu hoá trở lại, chính sách bảo hộ xuất hiện trở lại ở nhiều nước dưới các hình thức khác nhau. Các nước thị trường xuất khẩu tăng cường áp dụng nhiều tiêu chuẩn, quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường đối với các sản phẩm nhập khẩu (*dự luật chống phá rừng, CBAM của EU; các tiêu chuẩn lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ... gắn với thương mại của Mỹ*); Xu hướng dịch chuyển nguồn cung về gần thị trường tiêu thụ để giảm thiểu các rủi ro gián đoạn nguồn hàng ngày càng rõ nét. Xu hướng phát triển kinh tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số tiếp tục định hình lại các hình thức, loại hình đầu tư FDI toàn cầu. Bên cạnh đó, việc triển khai cam kết về thuế tối thiểu toàn cầu ảnh hưởng nhất định tới các nước thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư FDI như Việt Nam. Đồng thời, đầu tư toàn cầu có xu hướng dịch chuyển mạnh sang lĩnh vực kỹ thuật số, các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực kỹ thuật số đang phát triển nhanh và thay đổi bản chất của đầu tư xuyên biên giới. Bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động nêu trên tác động đã trực tiếp đến nền kinh tế có độ mở lớn của nước ta.

Ở trong nước, năm 2024 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 với nhiệm vụ nặng nề là phần đầu cao nhất để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong bối cảnh các năm đầu của kỳ kế hoạch gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid -19 và biến động địa chính trị toàn cầu. Năm 2024 đối mặt với diễn biến thiên tai bất lợi, đặc biệt, siêu bão số 3 và cơn bão số 4 đã tàn phá, gây thiệt hại nặng nề, trên diện rộng tại các tỉnh phía Bắc và miền Trung. Trong bối cảnh đó, với nỗ lực và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước, và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, kinh tế cả nước tiếp tục khẳng định sự phục hồi rõ nét, tháng sau tốt hơn tháng trước, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Các tổ chức quốc tế đánh giá cao và liên tục điều chỉnh dự báo tăng trưởng nước ta theo hướng ngày càng tích cực hơn¹; doanh nghiệp khôi phục niềm tin vào triển vọng kinh tế... Các cân đối lớn được đảm bảo. Dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta năm 2024 có thể đạt và vượt 7%, thuộc nhóm ít quốc gia tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới, được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Lạm phát được kiểm soát dưới 4%, là tốc độ tăng rất tích cực trong bối cảnh thực hiện tăng lương từ ngày 01/7/2024 và điều chỉnh giá một số mặt hàng, dịch vụ...

Đóng góp vào các thành tích chung đó, ngành Công Thương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, Bộ Công Thương đã tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt nhiều giải pháp nhằm đạt kết quả các nhiệm vụ được giao. Đến nay, có thể khẳng định, ngành Công Thương đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra năm 2024. Nổi bật là:

(1) Tạo được sự đột phá trong công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách với Luật Điện lực sửa đổi và nhiều chính sách mới, tái khởi động các dự án điện hạt nhân; tháo gỡ khó khăn cho các dự án năng lượng tái tạo; giải quyết nhiều dự án tồn đọng của ngành, tạo đột phá chiến lược cho phát triển năng lượng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

(2) Các cân đối lớn được bảo đảm, nhất là an ninh năng lượng và cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, nguyên vật liệu đầu vào... Đặc biệt là kỳ tích Đường dây 500 kV mạch 3 với loạt kỷ lục và các dự án năng lượng trọng điểm ngành năng lượng.

(3) Xuất nhập khẩu là điểm sáng nổi bật và là một trong những động lực chính của tăng trưởng kinh tế với tổng kim ngạch cả năm đạt kỷ lục mới (gần 800 tỷ USD), tăng 15% so với năm trước và vượt gần 3 lần kế hoạch được giao; cán cân thương mại ghi nhận năm thứ 9 liên tiếp xuất siêu ở mức cao (gần 25 tỷ USD), giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô.

¹ Standard Chartered đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 lên 6,8%; VinaCapital dự báo tăng trưởng GDP năm 2024, 2025 lên 6,5%; HSBC nâng dự báo tăng trưởng lên 7%; IMF nâng lên 6,8%.

(4) Công nghiệp phục hồi mạnh mẽ, tăng trưởng ngoạn mục 8,4% trong đó ngành chế biến chế tạo tăng gần 10% (so với năm 2023 chỉ dưới 1%), tạo động lực lớn thúc đẩy tăng trưởng vĩ mô.

(5) Công tác hội nhập kinh tế quốc tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả; khai mở thành công thị trường tiềm năng lớn ở Trung Đông, Châu Phi với việc ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (CEPA) trong thời gian đàm phán ngắn kỷ lục (16 tháng), góp phần mở rộng thêm xa lộ hội nhập thương mại toàn cầu của Việt Nam. Phòng vệ thương mại đạt kết quả tích cực, vững chắc, xử lý thành công hàng trăm vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, lẫn tránh thương mại, góp phần quan trọng bảo vệ hàng hóa Việt Nam trên hành trình vươn ra thế giới.

(6) Thị trường trong nước tăng trưởng vững chắc 9%, ổn định cung cầu sau 15 năm triển khai Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; là trụ đỡ đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng vĩ mô. Thương mại điện tử vượt mốc 25 tỷ USD, tăng trưởng 20% so với năm 2023 và chiếm 2/3 giá trị kinh tế số Việt Nam.

(7) Xúc tiến thương mại đổi mới mạnh mẽ với chuỗi sự kiện lớn nhất từ trước tới nay, giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam vượt mốc 500 tỷ USD, xếp hạng 32 thế giới.

(8) Chủ động, quyết liệt “tinh, gọn, mạnh” bộ máy theo tinh thần tổng kết Nghị quyết 18, đề xuất tinh giản gần 18% số đầu mối đơn vị thuộc Bộ và tinh gọn mạnh bộ máy hoạt động từ bên trong.

Cụ thể về các kết quả của ngành, lĩnh vực trong năm 2024 như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu và phát triển thị trường trong nước

1.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp

1.1.1. Kết quả chung

- Quy mô sản xuất công nghiệp phục hồi nhanh, trên diện rộng và liên tục được mở rộng trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, giữ vai trò động lực, dẫn dắt tăng trưởng chung của nền kinh tế (*chỉ số sản xuất ngành công nghiệp 11 tháng năm 2024 tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,9%), là mức tăng cao nhất trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay²*). **Với đà tăng như hiện nay, dự kiến cả năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng khoảng trên 8%, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch tăng 7-8%).**

² Tốc độ tăng IIP 11 tháng các năm 2020-2024 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 3,0%; 4,2%; 8,4%; 0,9% và 8,4%.

- **Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững:** tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo (tiêu chí và là biểu tượng của nước công nghiệp) tiếp tục tăng khá, đạt 24,1%, đáp ứng yêu cầu đề ra tại Nghị quyết 01 của Chính phủ; tỷ trọng ngành khai khoáng giảm mạnh;

- **Công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành động lực tăng trưởng của toàn ngành và toàn nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao:** Trong 11 tháng năm 2024, chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 1,0%), đóng góp 8,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

- **Các ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế tiếp tục phát triển như:** khai thác, chế biến dầu khí; khai thác, chế biến khoáng sản, điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; luyện kim, sắt thép; xi măng và vật liệu xây dựng; dệt may, da giày; cơ khí chế biến chế tạo, ô tô, xe máy..., tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, cũng như thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước.

- **Một số ngành công nghiệp xuất khẩu (dệt may, da giày, điện tử...) đã cơ bản hội nhập thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu, có năng lực cạnh tranh cao và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế.** Nhiều mặt hàng công nghiệp như da giày, dệt may, điện tử có vị trí xếp hạng xuất khẩu cao so với khu vực và thế giới. Một số ngành **công nghiệp nền tảng** (thép, hóa chất, cơ khí chế tạo) đã từng bước đáp ứng nhu cầu về tư liệu và năng lực sản xuất của nền kinh tế; **công nghiệp quốc phòng** đã từng bước tham gia thúc đẩy phát triển nền công nghiệp quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội (nhất là trong các lĩnh vực như: cơ khí, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; điện, điện tử; quang học; đóng mới, sửa chữa tàu và công trình thủy; sửa chữa máy bay, ra đa); **công nghiệp hỗ trợ, sản xuất linh kiện, cụm linh kiện dần được hình thành**, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị tăng trong các ngành công nghiệp, thúc đẩy tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị.

- **Chỉ số sản xuất công nghiệp (11 tháng năm 2024) của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước, một số ngành tăng cao ở mức hai chữ số như:** Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 25,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 24,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 18,3%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 14,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 13,4%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,6%; dệt tăng 12,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 11,9%...

- **Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực (11 tháng năm 2024) tăng cao so với cùng kỳ năm trước như:** Ô tô tăng 22,4%; thép thanh, thép góc tăng 21,7%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,0%; xăng dầu tăng 15,9%; đường kính tăng 14,8%; thép cán tăng 14,1%; phân hỗn hợp NPK tăng 11,9%; sữa bột tăng 11,5%; thủy hải sản chế biến tăng 11,0%; điện sản xuất tăng 10,0%; phân u rê tăng 9,0%...

- Nhiều địa phương đã nỗ lực vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất, duy trì được thành tích công nghiệp khá với chỉ số IIP tăng ở hầu hết các địa phương trên cả nước (tăng ở 60/63 địa phương³), nhiều địa bàn công nghiệp trọng điểm phục hồi nhanh và duy trì đà tăng tích cực như: Bắc Giang 27,7%; Vĩnh Phúc 11,1%; Hải Phòng tăng 15,3%; Hải Dương 13,9%; Thanh Hóa 19,2%; Quảng Nam tăng 18,6%; HCM tăng 7,1%; Bình Dương tăng 6,8%; Đồng Nai tăng 8% (11 tháng năm 2024).

1.1.2. Kết quả sản xuất của một số ngành chủ yếu

(i) Ngành Điện

- Đã phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng và các đơn vị liên quan tập trung giải quyết các công việc liên quan theo thẩm quyền và đã đưa vào vận hành nhiều công trình lưới điện trong năm 2024 như: Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu, Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa, Đường dây 500kV Nam Định I - Phố Nối, Trạm biến áp 500 kV Bắc Ninh và đường dây đầu nối, Đường dây 500kV Thanh Hóa - Rẽ Nho Quan - Hà Tĩnh, Trạm biến áp 500kV Thanh Hóa. Trong đó, **nổi bật là kỳ tích Đường dây 500 kV mạch 3 với hàng loạt kỷ lục**, biến điều không thể thành có thể, truyền cảm hứng vượt khó, sáng tạo...

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án trọng điểm ngành điện, huy động tối đa các nguồn lực bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, tuyệt đối không để thiếu điện.

- Ban hành và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo đảm bảo cung ứng điện⁴; công tác giám sát đảm bảo cung cấp điện, giám sát công tác điều độ, vận hành hệ thống điện của Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện (NSMO) được thực hiện thường xuyên, liên tục. Đồng thời, tổ chức các Đoàn công tác rà soát các nội dung chuẩn bị đảm bảo cung cấp điện mùa khô 2024.

Theo đó, tình hình cung ứng điện từ đầu năm 2024 đến nay đã được thực hiện tốt, bảo đảm đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân cả nước trong bối cảnh nhu cầu phủ tải tăng cao, xảy ra

³ 3 địa phương có IIP giảm là: Gia Lai, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh

⁴ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 14/02/2024 về việc đảm bảo cung ứng điện, cung cấp than, khí thời gian tới; hành Chi thị số 05/CT-BCT ngày 28/3/2024 về việc đảm bảo cung cấp điện các tháng cao điểm mùa khô năm 2024, Chi thị số 14/CT-BCT ngày 13/12/2024 về việc đảm bảo cung cấp điện trong các dịp lễ tết và các sự kiện chính trị văn hóa lớn trong năm 2024; Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30/11/2023 về phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024, Quyết định số 3376/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 về kế hoạch cung ứng điện các tháng cao điểm mùa khô (4, 5, 6, 7) năm 2024, Quyết định số 924/QĐ-BCT ngày 19/4/2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện cao điểm mùa khô và cả năm 2024, Công điện số 7287/CP-BCT ngày 19/9/2024 về việc đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các nhà máy điện trong thời gian tới. Các văn bản số 9263/BCT-ĐTĐL ngày 27/12/2023 về rà soát công tác chuẩn bị đảm bảo cung cấp điện năm 2024, đặc biệt là giai đoạn cao điểm mùa khô; số 9221/BCT-ĐTĐL ngày 26/12/2023 rà soát công tác bảo dưỡng sửa chữa, khắc phục các sự cố và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo cung ứng điện năm 2024; số 1346/BCT-ĐTĐL ngày 01/03/2024 về triển khai chỉ thị 05/CT-TTg....).

nhiều biến động về thời tiết, thiên tai và thủy văn các hồ chứa thủy điện. Tổng sản lượng điện toàn hệ thống điện quốc gia đến hết năm 2024 ước đạt 309,7 tỷ kWh, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2023, vượt 2% so với kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024 (Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30/11/2023) và cơ bản đạt mục tiêu đề ra tại điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện cao điểm mùa khô và cả năm 2024 (Quyết định số 924/QĐ-BCT ngày 19/4/2024).

(ii) Ngành công nghiệp Than

- Tập trung đơn đốc việc thực hiện chiến lược phát triển ngành Than, nội dung quy hoạch phân ngành Than trong Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia và các kế hoạch liên quan; chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh than và đảm bảo cung cấp đủ than cho sản xuất điện.

- Ngay từ các tháng đầu năm, Bộ Công Thương đã thường xuyên theo dõi và bám sát tình hình cung cấp than cho sản xuất điện, kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để đảm bảo ổn định thị trường than, cung cấp đủ than cho sản xuất điện và các nhu cầu sản xuất công nghiệp khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện.

- Dự kiến thực hiện cả năm 2024, than thương phẩm đạt trên 60,227 triệu tấn, trong đó than thương phẩm sản xuất trong nước đạt khoảng 43,807 triệu tấn⁵; than nhập khẩu đạt trên 16,42 triệu tấn. Tổng lượng than tiêu thụ theo hợp đồng giữa TKV, TCTĐB và các hộ tiêu thụ khoảng 58,115 triệu tấn (cung cấp cho sản xuất điện khoảng 48,709 triệu tấn). Dự kiến cả năm 2024, TKV cấp khoảng 39,92 triệu tấn, TCTĐB cấp khoảng 8,789 triệu tấn, đảm bảo khối lượng theo yêu cầu của các nhà máy nhiệt điện.

- Trong năm 2024, đảm bảo cung cấp đủ than cho sản xuất điện theo yêu cầu của hệ thống điện quốc gia, tuân thủ đúng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị: số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019, số 05/CT-TTg ngày 14/2/2024.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền đối với hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực công nghiệp than (hoàn thành Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch xuất khẩu than dài hạn của các đơn vị ngành Than (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng công ty Đông Bắc) theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ); Chỉ đạo, đơn đốc theo thẩm quyền đối với công tác đổi mới công nghệ trong các khâu sản xuất than; công tác rà soát, thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật; các giải pháp liên

⁵ TKV: 38,003 triệu tấn, Tổng công ty than Đông Bắc (TCTĐB): 5,804 triệu tấn

quan đến khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên than của đất nước; Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình triển khai đối với công tác đổi mới công nghệ trong các khâu sản xuất, hướng dẫn tháo gỡ, khó khăn vướng mắc trong công tác đổi mới công nghệ trong các khâu sản xuất than cho doanh nghiệp; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, hướng dẫn tháo gỡ, khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

(iii) Ngành công nghiệp Dầu khí

- Tập trung chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và các doanh nghiệp ngành dầu khí đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở trong nước, nhất là ở những vùng nước sâu, xa bờ; bảo đảm tìm kiếm, thăm dò dầu khí đi trước nhằm gia tăng và đặt cơ sở trữ lượng dầu khí cho sự phát triển bền vững, lâu dài của ngành Dầu khí; khai thác hiệu quả các mỏ hiện có; tích cực triển khai phát triển và đưa các mỏ đã có phát hiện dầu khí vào khai thác một cách hợp lý và hiệu quả để sử dụng tài nguyên dầu khí trong nước lâu dài⁶; Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ lĩnh vực Dầu khí theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao; Chỉ đạo, đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty tăng cường công tác sản xuất, không để gián đoạn, đứt gãy nguồn cung các sản phẩm thiết yếu (dầu thô, khí tự nhiên, xăng dầu,...); Đôn đốc PVN, các Nhà thầu dầu khí triển khai kế hoạch tìm kiếm thăm dò thăm lượng năm 2024, đảm bảo hoàn thành Kế hoạch đề ra.

- Tích cực chỉ đạo các nhà thầu dầu khí tiếp tục rà soát, đánh giá tiềm năng các dự án tìm kiếm thăm dò để có giải pháp tối ưu đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò tận dụng giai đoạn thị trường dịch vụ có lợi thế cho bên sử dụng dịch vụ do ảnh hưởng bởi tác động suy thoái kinh tế trên toàn cầu, tối ưu chi phí vận hành đối với các mỏ đang khai thác, tiết giảm chi phí hạ giá thành khai thác, tối ưu hóa quy trình công nghệ, tích cực triển khai nghiên cứu công tác khoan đàn dầy để góp phần đảm bảo sản lượng khai thác theo kế hoạch, gia tăng sản lượng khai thác với điều kiện đảm bảo an toàn mỏ⁷.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của PVN, góp phần tăng cường sự hiện diện và khẳng định chủ quyền của Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc

⁶ Ban hành Văn bản số 1076/BCT-DKT ngày 22/02/2024 gửi PVN đôn đốc thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP của Chính phủ với các nội dung tại Quyết định số 155/QĐ-BCT ngày 23/01/2024 của Bộ Công Thương; ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề cương chi tiết và dự toán chi phí đề án điều tra cơ bản về dầu khí và Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định đề cương chi tiết và dự toán chi phí đề án điều tra cơ bản về dầu khí. Đang xây dựng Báo cáo Bộ Chính trị, Ban cán sự đảng Chính phủ về kết quả hoạt động dầu khí năm 2024 và kế hoạch triển khai năm 2025 trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý.

⁷ Trong tháng 6/2024, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định về danh mục các Lô dầu khí điều chỉnh và danh mục các Lô dầu khí ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư, làm cơ sở để thúc đẩy công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí; Bộ đã phê duyệt các Kế hoạch phát triển mỏ đại cương (ODP) mỏ Khánh Mỹ - Đầm Dơi, Lô 46/13, mỏ Đại Hùng, Lô 05-1a điều chỉnh năm 2024, khu vực Đại Hùng Nam; Kế hoạch phát triển mỏ Tê Giác Trắng, Lô 16-1 điều chỉnh năm 2022, mỏ Bạch Hổ, Lô 09-1 điều chỉnh năm 2023 - Khu vực Đông Nam; các Kế hoạch thu dọn mỏ Rạng Đông, Phương Đông, Lô 15-2 điều chỉnh năm 2023, Bạch Hổ, Thỏ Trắng, Lô 09-1.

chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên biển Đông; tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc triển khai các công trình trong lĩnh vực dầu khí, nhất là các dự án trọng điểm về dầu khí, kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng để chỉ đạo tháo gỡ khó khăn.

- Về lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí: Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tình hình triển khai các hoạt động dầu khí trên Biển Đông theo kế hoạch tổng thể năm 2024 được Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ thông qua; Hoàn thành dự thảo báo cáo Biển Đông kết quả năm 2024 và kế hoạch năm 2025, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định để báo cáo Bộ Chính trị. Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí (lĩnh vực thượng nguồn),

- Về lĩnh vực công nghiệp khí và chế biến dầu khí: Thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất xăng dầu của các Nhà máy lọc dầu trong nước (Dung Quất, Nghi Sơn) để chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có), cũng như theo dõi, kiểm tra việc bảo đảm cấp khí cho sản xuất điện, đặc biệt là các tháng cao điểm mùa khô. Đồng thời, báo cáo Thủ tướng Chính phủ các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện Thỏa thuận cam kết và bảo lãnh của Chính phủ (GGU) đối với Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Trong năm 2024, các chỉ tiêu sản xuất và tiêu thụ của PVN đều ước hoàn thành vượt kế hoạch năm 2024, cụ thể:

- Tình hình sản xuất: Trong năm 2024, PVN đã nỗ lực bám sát các nhiệm vụ mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng sản lượng khai thác dầu khí quy dầu ước thực hiện năm 2024 đạt 16,18 triệu tấn quy đổi, vượt 121,7% so với kế hoạch năm (trong đó, tổng sản lượng dầu khí khai thác (i) trong nước quy đổi ước thực hiện năm 2024 đạt 14,44 triệu tấn quy đổi, vượt 122,3% so với kế hoạch năm; (ii) ở nước ngoài đạt 1,79 triệu tấn quy đổi, vượt 117% so với kế hoạch năm); Sản lượng xăng dầu năm 2024 ước thực hiện đạt 14,39 triệu tấn, vượt 10 % so với kế hoạch cả năm.

- Tình hình tiêu thụ năm 2024: Sản lượng tiêu thụ dầu ước đạt 9,7 triệu tấn, vượt 18% so với kế hoạch cả năm 2024; Sản lượng tiêu thụ khí ước đạt 6,35 tỷ m³ đạt 97% kế hoạch cả năm 2024 (trong đó khoảng 4,150 tỷ m³ cung cấp cho sản xuất điện, đạt 99% kế hoạch cả năm 2024); Sản lượng tiêu thụ xăng dầu ước đạt 1.439 nghìn tấn, vượt 13% kế hoạch cả năm.

1.2. Hoạt động xuất nhập khẩu

1.2.1. Các kết quả nổi bật

- **Thứ nhất**, trong hoạt động xuất khẩu đã tích cực tranh thủ cơ hội từ sự phục hồi của các thị trường lớn, truyền thông để đẩy mạnh xuất khẩu, nâng tổng

kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2024 ***lập kỷ lục mới***, dự kiến ***vượt ngưỡng 700 tỷ USD*** (ước đạt 783 tỷ USD; trong đó xuất khẩu ước đạt 403 tỷ USD; nhập khẩu ước đạt 380 tỷ USD), ***vượt hơn 100 tỷ*** so với mức ***681 tỷ USD*** của năm 2023. Trong đó, khu vực thị trường châu Á - châu Phi tiếp tục giữ vị trí chiến lược với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều ước đạt 519,7 tỷ USD, tăng 13,7% so với năm 2023, chiếm 66,3% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thế giới (xuất khẩu ước đạt 197,4 tỷ USD, tăng 8,4%; nhập khẩu ước đạt 322,3 tỷ USD, tăng 17,2%; nhập siêu 124,9 tỷ USD, tăng 34,6% so với năm 2023).

- ***Thứ hai, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao ở mức hai con số với sự phục hồi tích cực của các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực:*** Xuất khẩu ước đạt 403 tỷ USD (vượt xa mức 354,7 tỷ USD của cả năm 2023), tăng 13,6% so với năm 2023 (năm 2023 giảm 4,6%), đây là mức tăng trưởng khá cao so với nhiều nước trong khu vực ASEAN và châu Á (trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu của Trung Quốc tăng 12,7%, Hàn Quốc tăng 9,6%, Thái Lan tăng 4,9%, Indonesia tăng 1,33%). Trong đó, xuất khẩu tăng mạnh ở nhóm hàng nông lâm thủy sản (11 tháng tăng 20,6%), với giá bán nông sản thuận lợi đã hỗ trợ tiêu thụ tốt đầu ra cho sản xuất nông nghiệp và người dân và nhóm hàng công nghiệp chế biến (11 tháng tăng 14,3%).

Thứ ba, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. ***Nhóm công nghiệp chế biến phục hồi mạnh, là động lực đóng góp chính vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước*** (chiếm gần 85%). Đặc biệt, các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực vốn gặp nhiều khó khăn trong năm 2023 đã có sự phục hồi nhanh, lấy lại đà tăng trưởng cao ở mức hai con số như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 71,7 tỷ USD, tăng 25%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 53,9 tỷ USD, tăng 2,9%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 52,6 tỷ USD, tăng 22%; hàng dệt may đạt 37 tỷ USD, tăng 11,2%; giày dép các loại đạt 22,9 tỷ USD, tăng 13%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 16,2 tỷ USD, tăng 20,3%; sắt thép đạt 9,3 tỷ USD, tăng 11,8%...

Thứ tư, hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Khai mở thị trường tiềm năng tại Trung Đông - châu Phi bằng việc ký kết Hiệp định FTA với UAE trong thời gian đàm phán kỷ lục (16 tháng). Hoạt động xuất nhập khẩu đã cơ bản tận dụng, khai thác có hiệu quả các cam kết mở cửa thị trường từ các FTA, tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam với hầu hết các thị trường đã ký FTA đều tăng: xuất khẩu sang Hoa Kỳ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam ước đạt 119,7 tỷ USD, chiếm 29,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng tới 23,4% so với năm 2023 (năm 2023 giảm 11,3%); xuất khẩu sang thị trường EU ước đạt 51,6 tỷ USD, tăng 18,3% (năm 2023 giảm 6,8%); xuất khẩu sang khu vực thị trường ASEAN tăng 13,6%; xuất

khẩu sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 25,5 tỷ USD, tăng 8,6% (năm 2023 giảm 3,4%); xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản ước đạt 24,6 tỷ USD, tăng 5,5% (năm 2023 giảm 3,7%).

Điều hành, khai thông hiệu quả hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, hàng hóa cơ bản không bị ách tắc, kể cả lúc cao điểm thời vụ, góp phần gia tăng kim ngạch xuất khẩu của nước ta sang thị trường này.

Thứ năm, năng lực sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước ngày càng được cải thiện: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước (18,9%) cao hơn so với khu vực FDI (11,6%); đồng thời, tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước cao hơn so với cùng kỳ năm trước (28,9% so với 26,9%).

Thứ sáu, hoạt động nhập khẩu được đảm bảo với cơ cấu phù hợp, cơ bản đáp ứng nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng. Trong đó, nhóm hàng cần nhập khẩu tiếp tục chiếm tỷ trọng cao (gần 89%). Việc nhập khẩu các mặt hàng linh kiện, máy móc, nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng trưởng trở lại cho thấy sự phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, cùng như những tín hiệu tích cực về các đơn hàng nhận được trong thời gian tới.

Thứ bảy, cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 9 liên tiếp (từ năm 2016) với mức thặng dư khá cao (ước đạt 23 tỷ USD), góp phần tích cực cho cán cân thanh toán, giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế.

1.3. Hoạt động thương mại trong nước

- Thị trường trong nước tiếp tục tăng trưởng cao, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, hàng hóa dồi dào, thị trường ổn định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

Nhiều giải pháp điều tiết cung cầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường đã được Bộ Công Thương tích cực triển khai, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và hoạt động của các doanh nghiệp. Trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn (đầu năm 2024), công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết được các địa phương, doanh nghiệp triển khai tích cực từ sớm cùng với Chương trình bình ổn thị trường với nhiều mặt hàng đa dạng, phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, giá cả hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu khá bình ổn. Đặc biệt, cơn bão số 3 (bão Yagi) đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản, tuy nhiên, công tác cung ứng hàng hóa được duy trì cho các khu vực bị bão, lũ, công tác khắc phục sau bão được triển khai tích cực, các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhanh chóng trở lại bình thường.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước đạt 6.449 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2023, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra; dự kiến

CPI bình quân khoảng 3,8%, nằm trong giới hạn chỉ tiêu Quốc hội giao về kiểm soát lạm phát.

- Việc bảo đảm nguồn cung xăng dầu luôn được Bộ Công Thương chú trọng và đạt kết quả tích cực, nguồn cung xăng dầu trong nước luôn được bảo đảm: Bộ Công Thương luôn theo dõi bám sát tình hình cung cầu, giá cả xăng dầu tại thị trường trong nước để có phương án chỉ đạo bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường (Bộ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BCT ngày 02/1/2024 triển khai Công điện số 1437/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp). Đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các các thương nhân kinh doanh xăng dầu về việc: (i) Thực hiện nghiêm túc các Công điện của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 01/CT-BCT của Bộ Công Thương; (ii) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sản xuất đã đăng ký, chủ động nguồn cung xăng dầu, thực hiện việc dự trữ xăng dầu phù hợp, bảo đảm cung cấp xăng dầu cho các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo sản lượng, thời gian; (iii) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 đã được phân giao và kế hoạch thực hiện tổng nguồn hàng quý đã đăng ký.

- Công tác điều hành giá xăng dầu luôn phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, thực hiện nhất quán, đúng quy định (trong việc tính toán, xác định, điều hành giá) tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu; các Thông tư hướng dẫn và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Kể từ khi thực hiện điều hành giá xăng dầu rút xuống 7 ngày theo Nghị định số 80/2023/NĐ-CP, giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới, cùng với các loại chi phí kinh doanh xăng dầu được cập nhật kịp thời, đã tạo động lực cho doanh nghiệp tạo nguồn xăng dầu cung ứng đầy đủ nhu cầu cho thị trường nội địa.

- Hạ tầng thương mại trong nước tiếp tục phát triển, cơ sở pháp lý để đáp ứng yêu cầu phát triển chợ trong tình hình hiện nay được hoàn thiện (Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 về phát triển và quản lý chợ (thay thế Nghị định 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP). Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng gia tăng⁸. Các Chương trình mục tiêu quốc gia⁹ đã được phê duyệt tiếp tục được triển khai tích cực trong năm 2024 với nhiều chương trình, hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng thương mại. Đồng thời, tích cực đẩy mạnh công

⁸ Theo số liệu thống kê sơ bộ từ Báo cáo của các Sở Công Thương tính đến cuối năm 2023 cả nước có 8.318 chợ. Theo số liệu của Nielsen, Việt Nam hiện có khoảng gần 2 triệu cửa hàng tạp hóa. Đối với loại hình thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị): Sau khi mở cửa, thị trường kinh tế Việt Nam bắt đầu phát triển, đến cuối năm 2023 cả nước có: 266 trung tâm thương mại, 1.260 siêu thị và hơn 230.000 cửa hàng tiện lợi.

⁹ Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

tác hợp tác quốc tế về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại trong và ngoài nước, hạ tầng thương mại biên giới (hợp tác với Lào, Campuchia, Trung Quốc)¹⁰.

- **Công tác hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thực phẩm tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tháo gỡ đầu ra sản phẩm nông nghiệp cho nông dân:** Đã hỗ trợ, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với Sở Công Thương các địa phương, các doanh nghiệp phân phối có nhiều hoạt động hỗ trợ, kết nối giữa doanh nghiệp và người dân nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, tháo gỡ đầu ra sản phẩm nông nghiệp cho nông dân¹¹. Xây dựng chương trình hỗ trợ thu mua, chế biến để tiêu thụ các mặt hàng nông sản của các địa phương có sản lượng nông sản lớn đang và sắp vào vụ thu hoạch. Đồng thời chỉ đạo, đôn đốc hướng dẫn các địa phương tích cực thực hiện Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030”. Ngoài ra, tích cực tham dự, chỉ đạo nhiều Hội nghị xúc tiến thương mại các mặt hàng nông sản tại các địa phương; tham gia Tổ đàm phán, mở cửa và phát triển thị trường nông sản thủy sản thuộc Ban chỉ đạo chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển thị trường... đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, doanh nghiệp tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, để thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, Bộ Công Thương tiếp tục triển khai hiệu quả các Đề án, Chiến lược đã được phê duyệt, góp phần thúc đẩy tiêu dùng trong nước. Đối với công tác quản lý mặt hàng kinh doanh có điều kiện, Bộ tích cực hướng dẫn hoạt động kinh doanh và cấp giấy phép cho các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu, thuốc lá, xăng dầu, khí theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến. Chú trọng công tác kiểm tra, hậu kiểm việc chấp hành quy định pháp luật trong kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) tiếp tục phát triển trở thành kênh phân phối quan trọng, góp phần phát triển chuỗi cung ứng và lưu thông trong và ngoài nước, hỗ trợ tiêu thụ hiệu quả lượng lớn nông sản, thực phẩm cho người nông dân và doanh nghiệp, đặc biệt khi vào vụ thu hoạch. Nhiều doanh nghiệp tăng trưởng đột phá nhờ ứng dụng thương mại điện tử, doanh thu bán lẻ hàng hóa xuyên biên giới tăng cao, trong đó có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2024, quy mô thị trường TMĐT bán lẻ Việt Nam ước vượt

¹⁰ Ngày 15 tháng 8 năm 2024, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2174/QĐ-BCT phê duyệt đề án, nhiệm vụ và kinh phí năm 2024 triển khai Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ngày 23 tháng 10 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định ban hành kèm theo kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Lào tại Quyết định số 1247/QĐ-TTg.

¹¹ Chỉ đạo, đôn đốc hướng dẫn các địa phương tích cực thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030”. Ngoài ra, Bộ tích cực tham dự, chỉ đạo nhiều Hội nghị xúc tiến thương mại các mặt hàng nông sản tại các địa phương; Tham gia Tổ đàm phán, mở cửa và phát triển thị trường nông sản thủy sản thuộc Ban chỉ đạo chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển thị trường...

mốc 25 tỷ USD, đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 20%/năm so với năm 2023, chiếm 2/3 giá trị kinh tế số Việt Nam, được xếp vào nhóm 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT hàng đầu thế giới, tạo động lực phát triển kinh tế và dẫn dắt chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

2. Kết quả thực hiện công tác quản lý Nhà nước năm 2024

2.1. Công tác phát triển điện lực

Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn để đưa các dự án nguồn điện lớn có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện đi vào vận hành, huy động tối đa các nguồn lực bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt. Phối hợp với UBQLVNN và các địa phương, chỉ đạo EVN và các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm, đặc biệt là các công trình lưới điện 500 kV mạch 3 kéo dài từ Quảng Trạch đến Phố Nối với nhiều kỷ lục...

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, tham mưu với Chính phủ các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thu hút đầu tư, phát triển các loại hình năng lượng, đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay như: cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa các nguồn điện NLTT với các khách hàng tiêu thụ lớn (DPPA) (Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2024); Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024 quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu thụ; cơ chế phát triển các nhà máy điện sử dụng khí thiên nhiên, điện gió ngoài khơi; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; Đề án xuất khẩu điện vùng biển ngoài khơi Cà Mau; Xây dựng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng điện nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên cả nước; Xây dựng Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.... Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi), Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII (lần 2); hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi than sang năng lượng sạch....

2.2. Công tác điều hành giá điện và phát triển thị trường điện

- **Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế tiếp tục được triển khai quyết liệt**, góp phần hoàn thiện hệ thống các quy định về điều tiết điện lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành điện: Trong năm 2024, Bộ Công Thương đã tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành **01 Nghị định của Chính phủ** (cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với Khách hàng sử dụng điện lớn), **01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** (cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân thay thế) và **07 Thông tư của Bộ trưởng**. Ngoài ra, đang tiếp tục nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện **01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và một số Thông tư của Bộ trưởng** Bộ Công Thương để đáp

ứng các yêu cầu mới trong điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện và điều hành giá điện.

Đặc biệt trong năm 2024, Bộ Công Thương đã xây dựng dự án **Luật Điện lực (sửa đổi)** và trình Chính phủ, Quốc hội theo đúng thời hạn được giao (ngày 30/11/2024, Quốc hội đã thông quan Dự án Luật điện lực (sửa đổi));

- **Về công tác đảm bảo cung cấp điện:** Bộ đã chủ động đề xuất các giải pháp và chỉ đạo kịp thời, góp phần đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, đáp ứng về cơ bản nhu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân (ban hành Quyết định số 924/QĐ-BCT ngày 19/4/2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện cao điểm mùa khô và cả năm 2024, đây là điểm nhấn mới trong công tác chỉ đạo điều hành cung cấp điện của Bộ Công Thương).

- **Công tác điều tiết giá điện** đã thực sự bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản điều hành giá điện, giá dịch vụ phụ trợ; kiểm tra hợp đồng mua bán điện; kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện được ban hành đúng quy định, thực hiện nghiêm túc, đáp ứng được yêu cầu minh bạch, bảo vệ lợi ích của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện.

- **Việc xây dựng, giám sát vận hành thị trường điện** đã giúp tăng tính minh bạch trong huy động các nhà máy điện, tạo môi trường cạnh tranh, tăng cường tính chủ động của các đơn vị tham gia thị trường trong công tác vận hành, đồng thời từng bước xóa bỏ độc quyền trong ngành điện. Đặc biệt trong năm 2024, với sự quyết tâm của Chính phủ và Bộ Công Thương, đã tách Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia ra khỏi EVN và thành lập NSMO trực thuộc Bộ, đây là một trong những thành công và bước đi tiên quyết tạo tiền đề cho việc triển khai tốt hơn công tác tái cơ cấu ngành điện phục vụ thị trường điện cạnh tranh Việt Nam.

- Công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thực hiện xử lý văn bản đến trả lời các kiến nghị của doanh nghiệp, địa phương, các văn bản phối hợp cơ quan trong và ngoài Bộ cơ bản đáp ứng được tiến độ yêu cầu; Hoạt động thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2.3. Về công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Về công tác xây dựng văn bản: Xây dựng đề nghị Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Tờ trình số 9370/TTr-BCT ngày 20 tháng 11 năm 2024; dự kiến Luật sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại một Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 6 năm 2025)); Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2023. Đồng thời, ban hành 02 Thông tư về định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp nhựa, bia và đồ uống không cồn.

- Về công tác tiết kiệm điện: Đẩy mạnh tuyên truyền về tiết kiệm điện trên hệ thống đài truyền hình trung ương, hệ thống báo đài trong và ngoài Bộ thông qua Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức các hội nghị tiết kiệm điện năm 2024 và hướng dẫn triển khai các giải pháp tiết kiệm điện đối với mạng lưới tiết kiệm điện quốc gia triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đạt tỉ lệ tiết kiệm điện trên toàn quốc lớn hơn 2%/năm.

2.4. Công tác khuyến công và quản lý cụm công nghiệp

- Công tác hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật được triển khai tích cực và đạt kết quả. Trong năm 2024, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ký ban hành 02 Nghị định (Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 43/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ). Đồng thời, ban hành Thông tư số 14/2024/TT-BCT 15/8/2024 quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công: Tiếp tục triển khai Chương trình khuyến công quốc gia (KCQG) hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thông qua nhiều nội dung hoạt động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu; giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực là điểm nhấn của kế hoạch KCQG năm 2024 với số lượng sản phẩm đăng ký và được bình chọn nhiều nhất từ trước đến nay.

Hoạt động khuyến công ngày càng thực hiện có chất lượng, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn. Bộ Công Thương đã phê duyệt kế hoạch kinh phí KCQG năm 2024 tại Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 với tổng kinh phí thực hiện là 130 tỷ đồng/106 đề án, nhiệm vụ; tuy nhiên tính đến ngày 04/12/2024 Bộ Tài chính thống nhất phân bổ kinh phí KCQG cho Bộ Công Thương là: 45,546 tỷ đồng/36 đề án, nhiệm vụ, chiếm 35,04% tổng kinh phí.

- Công tác quản lý cụm công nghiệp (CCN): Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hoạt động phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, kết nối giao thương tại các địa phương được đẩy mạnh, góp phần phát triển công nghiệp và thương mại tại các địa phương. Theo Phương án phát triển CCN thời kỳ 2021-2030 thuộc Quy hoạch của các tỉnh/thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2030, trên địa bàn cả nước quy hoạch 2.148 CCN với tổng diện tích hơn 94.600 ha. Ước thực hiện đến hết năm 2024, cả nước thành lập khoảng 1.070 CCN với tổng diện tích khoảng 40.400 ha; trong đó có khoảng 725 CCN đi vào hoạt động với tổng diện tích hơn 24.300 ha, thu hút hơn 14.000 dự án đầu tư sản xuất kinh

doanh, giải quyết việc làm cho khoảng 690.000 lao động, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân khoảng 67%; có trên 225 CCN có hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động.

2.5. Công tác quản lý nhà nước về hóa chất

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về hóa chất được chú trọng nhằm đảm bảo hệ thống pháp luật được đồng bộ, phù hợp với thực tiễn. Năm 2024, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ 01 hồ sơ dự án Luật (dự án Luật Hóa chất (sửa đổi)); trình Chính phủ xem xét, ban hành 01 Nghị định (Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học) và ban hành 01 Thông tư (Thông tư số 19/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 ban hành sửa đổi Quy chuẩn QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm).

- Công tác xây dựng chiến lược phát triển ngành: Đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 kèm theo và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đối với “Chương trình phát triển công nghiệp hóa được đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Công tác cải cách hành chính và thực hiện Chính phủ điện tử: Bộ Công Thương đã triển khai hiệu quả 6/9 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 trong lĩnh vực hóa chất, giải quyết kịp thời trên 100.000 hồ sơ khai báo hóa chất và cấp các loại giấy phép.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất: Bộ Công Thương đã xây dựng, phê duyệt và hoàn thành kế hoạch thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực hóa chất đối với 35 công ty, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần tăng cường kỷ cương trong quản lý hóa chất, đóng góp trên 2 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

- Công tác truyền thông, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực hóa chất được chú trọng, đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Thường xuyên rà soát, giải đáp các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về quản lý hóa chất thông qua Cổng thông tin phản ánh kiến nghị của Chính phủ, các văn bản gửi trực tiếp qua dịch vụ bưu chính và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất theo đúng quy định. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện báo cáo về tình hình hoạt động hóa chất hàng năm qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, đối chiếu thông tin giữa các đơn vị quản lý hóa chất và giảm thời gian, chi phí cho các doanh nghiệp.

- Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, thực hiện tốt vai trò đầu mối quốc gia trong việc triển khai các công ước quốc tế về hóa chất như

Công ước Minamata về thủy ngân, Hợp phần hóa chất công nghiệp thuộc Công ước Rotterdam về một số hóa chất công nghiệp và thuốc trừ sâu gây hại trong thương mại quốc tế và Công ước Cấm vũ khí hóa học...

2.6. Công tác đảm bảo an toàn môi trường công nghiệp

- Về an toàn kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động: Hướng dẫn các đơn vị ngành thực hiện tốt công tác an toàn trong lĩnh vực Điện, than, công nghiệp cơ khí, luyện kim, dầu khí, khí dầu mỏ hóa lỏng, xăng dầu, hóa chất, khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp; công tác an toàn vệ sinh lao động; công tác quản lý máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Công tác về phòng cháy, chữa cháy ngành Công Thương: phối hợp với Bộ Công an tổ chức thực hiện các quy định về PCCC trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn Bộ Công Thương và tiếp tục được tăng cường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 01/CT-TTg về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới.

- Công tác quản lý an toàn đập và hồ chứa thủy điện đã được quan tâm triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2024. Bộ Công Thương đã chủ động thành lập Hội đồng đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện để tổ chức kiểm tra, đánh giá đối với 40 công trình thủy điện; theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn và phối hợp với các cơ quan có liên quan để vận hành hồ chứa theo đúng quy trình; Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn và phối hợp với các cơ quan có liên quan để vận hành hồ chứa theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

- Công tác quản lý an toàn điện được tăng cường chú trọng ngay từ đầu năm, đã ban hành các Văn bản chỉ đạo các sở Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị liên quan quán triệt công tác chấp hành các quy định về an toàn điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ. Tích cực nghiên cứu các quy định sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành để hoàn thiện hành lang pháp lý để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn điện.

- Công tác quản lý an toàn khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp được tập trung chỉ đạo thực hiện đúng quy trình, quy định, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ trưởng tại Chỉ thị số 11/CT-BCT ngày 30/8/2023; Kịp thời phối hợp với các đơn vị triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả khi có sự cố.

- Công tác bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp môi trường, chú trọng kiểm tra, giám sát và đôn đốc các chủ cơ sở nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón đẩy mạnh thực hiện Đề án xử lý, tiêu thụ trợ xỉ, thạch cao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2.7. Công tác quản lý thị trường

Công tác quản lý, đảm bảo trật tự thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên thị trường nội địa tiếp tục được củng cố. Lực lượng Quản lý thị trường (QLTT) cả nước phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng chức năng làm tốt công tác quản lý địa bàn, chú trọng kiểm tra, xử lý các vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận xã hội như: vi phạm trong kinh doanh trên môi trường mạng, hàng giả, hàng kém chất lượng; Tập trung giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, niêm yết giá và các mặt hàng vàng, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, lương thực, thực phẩm, trang thiết bị, vật tư y tế, phân bón, vật tư nông nghiệp, mỹ phẩm...; Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý thị trường; Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho người dân, doanh nghiệp để hạn chế sai phạm.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, lực lượng QLTT đã phát hiện, xử lý 25.914 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách nhà nước 293 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ năm 2023); trị giá hàng hóa tịch thu gần 110 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ). Riêng lĩnh vực thương mại điện tử phát hiện, xử lý 975 vụ vi phạm (tăng 742 vụ, tăng 318%), chuyển Cơ quan điều tra 03 vụ; xử phạt vi phạm hành chính gần 17,7 tỷ đồng (tăng 13,5 tỷ, tăng 321%).

2.8. Công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Trong năm 2024, Bộ Công Thương đã chủ động xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (trình Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng (Tờ trình số 10223/TTr-BCT Ngày 13/12/2024, Bộ Công Thương).

- Về quản lý, giám sát cạnh tranh, đã chủ động triển khai Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn. Tính đến tháng 11 năm 2024, đã tiếp nhận và xử lý 162 hồ sơ thông báo Tập trung kinh tế trong nhiều ngành/lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có nhiều giao dịch thực hiện ở nước ngoài nhưng có ảnh hưởng tới thị trường Việt Nam, nhiều giao dịch doanh nghiệp nước ngoài mua lại doanh nghiệp Việt Nam... (các giao dịch diễn ra trong các lĩnh vực như bất động sản; lĩnh vực dịch vụ (logistics, dịch vụ tài chính tiêu dùng...); năng lượng; sản xuất công nghiệp). Quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

thực hiện quy định về thông báo tập trung kinh tế theo quy định pháp luật cạnh tranh thông qua việc ban hành và công bố công khai hướng dẫn quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông báo tập trung kinh tế. Đồng thời, tiếp nhận và tiến hành thẩm định 01 hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm của các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không.

- *Hoạt động tổ tụng cạnh tranh*: Tiến hành điều tra 07 vụ việc cạnh tranh không lành mạnh trong các lĩnh vực: điện máy, điện lạnh; sữa công thức dành cho trẻ em; thiết kế chuyên dụng (trang trí nội, ngoại thất); bảo hiểm... Tiến hành điều tra và xử lý 01 vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế trong lĩnh vực hóa chất; đã xử phạt 05 doanh nghiệp trong 04 vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Hình thức xử phạt: 05 doanh nghiệp là phạt tiền, tổng giá trị tiền phạt: 2.023.982.880 đồng.

Chủ động thu thập, xác minh thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh trong các lĩnh vực gồm: sàn giao dịch hàng hóa; sản xuất, kinh doanh xe máy; thép; sàn thương mại điện tử; khu vui chơi dành cho trẻ em; ứng dụng bán hàng trong ngành sữa,...

- *Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*: Tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch, giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đặc biệt là những điểm mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.

Công tác tư vấn, giải quyết phản ánh của người tiêu dùng tiếp tục được triển khai hiệu quả, tổng đài tư vấn và hỗ trợ người tiêu dùng 1800.6838 đã ghi nhận 7.293 cuộc gọi đến từ người tiêu dùng, trong đó tổng đài viên đã tiếp nhận 4.961 cuộc gọi (chiếm khoảng 68%). Đồng thời, đã tiếp nhận 683 đơn, thư phản ánh, yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng qua 05 phương thức: (i) qua dịch vụ bưu chính (chiếm khoảng 70,9%); (ii) qua hộp thư điện tử (chiếm khoảng 27,1%); (iii) qua website (chiếm khoảng 1,2%); (iv) qua cổng dịch vụ công quốc gia (chiếm khoảng 0,9%).

- *Công tác kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung*: tiếp nhận, xử lý tổng số 202 hồ sơ đăng ký/đăng ký lại HĐTM, ĐKGDC, trong đó có 192 hồ sơ được nộp và xử lý trên cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ (đạt tỉ lệ 95%). Kết quả xử lý: Thông báo chấp nhận: 37 hồ sơ; Thông báo kết quả xử lý: 117 hồ sơ; Doanh nghiệp rút hồ sơ/Công văn trả lời không thuộc lĩnh vực phải đăng ký: 11 hồ sơ; Đang xử lý: 37 hồ sơ.

- *Lĩnh vực quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*: tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính đảm bảo quy trình, thời gian theo quy định; phối hợp giữa các cơ quan quản lý, đặc biệt là ở các địa phương để tăng cường giám sát, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng phương thức bán hàng đa cấp để trục lợi trái phép; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an các cấp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến hoạt động kinh doanh

theo phương thức đa cấp. Đã xử lý 06 lượt hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, 40 lượt hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp; 65 lượt thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, xử lý 18 hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, 02 hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp; tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, phản ánh của người dân và các đơn vị báo chí đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp và người tham gia bán hàng đa cấp.

- *Về công tác kiểm tra, thanh tra:* công tác kiểm tra: đã tiến hành kiểm tra đối với 18 doanh nghiệp trong việc tuân thủ, chấp hành pháp luật cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đa cấp đối với 05 công ty là 1.080 triệu đồng và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 01 doanh nghiệp, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là trên 610 triệu đồng; công tác thanh tra chuyên ngành: đã và đang triển khai 05 đoàn thanh tra, lĩnh vực đa cấp đã hoàn thành 01 đoàn và xử phạt vi phạm hành chính với 01 doanh nghiệp số tiền là 95 triệu đồng.

2.9. Công tác hội nhập quốc tế về kinh tế, phát triển thị trường ngoài nước, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Bộ Công Thương đã triển khai đồng bộ các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và hoàn thành hiệu quả, đúng mục tiêu và kế hoạch đề ra; cân bằng, đảm bảo lợi ích của Việt Nam trong quá trình triển khai các cam kết quốc tế, đồng thời ứng phó kịp thời, phù hợp trước những biến động nhanh chóng của tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu.

Tích cực chủ trì, đồng đốc các Bộ, ngành có liên quan trong xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

Tích cực phối hợp với các đơn vị, Bộ ngành trong việc theo dõi và khẩn trương xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi các cam kết quốc tế.

Công tác đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại mới đạt được những kết quả tích cực với việc khai mở thị trường tiềm năng tại Trung Đông - Châu Phi bằng việc ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (Hiệp định CEPA) sau thời gian đàm phán kỷ lục (16 tháng); Xây dựng hồ sơ, trình và được Quốc hội phê chuẩn văn kiện gia nhập CPTPP của Vương quốc Anh và Bắc Ai len (UK) tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV (Quốc hội đã ban hành Nghị quyết phê chuẩn văn kiện gia nhập Hiệp định CPTPP của UK vào ngày 25 tháng 6 năm 2024); Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và I-xra-en (VIFTA); Chủ trì, phối

hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham dự đàm phán nâng cấp và đàm phán mới các hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các Hiệp định thương mại tự do, tiếp nhận các câu hỏi từ cộng đồng doanh nghiệp, người dân liên quan đến các FTA trên và trực tiếp trả lời hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trả lời nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khai thác lợi ích từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Tích cực đàm phán, ký kết triển khai các khuôn khổ pháp lý song phương về kinh tế thương mại với các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Lào, Ma-lai-xi-a, Úc, New Zealand, Nam Phi, Mô-dam-bích, Ả-rập Xê-út ... để thiết lập, mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực mà Việt Nam có tiềm năng và có nhu cầu xuất khẩu. Tăng cường công tác nắm tình hình, nghiên cứu và kịp thời phản ứng chính sách trước các diễn biến của thị trường thế giới, khu vực cũng như trước các thay đổi, điều chỉnh trong chính sách, chiến lược của các đối tác lớn như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc để phục vụ công tác điều hành xuất nhập khẩu cũng như thông tin cho doanh nghiệp Việt Nam ứng phó...

Tiếp tục triển khai, tận dụng các cơ chế hợp tác song phương định kỳ về kinh tế, thương mại với các đối tác chính để thúc đẩy tạo thuận lợi cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh cho doanh nghiệp như tháo gỡ khó khăn về chứng chỉ BIS cho xuất khẩu sang Ấn Độ, xuất khẩu sữa sang Malaysia, nhập khẩu than từ Lào, mở cửa thị trường mặt hàng thịt gà và trứng gà tươi sang Xinh-ga-po, trao đổi về khả năng khởi động lại Bản ghi nhớ về hợp tác thương mại gạo với Philip-pin, thúc đẩy và duy trì hoạt động thông quan hàng hóa thông suốt tại các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc....

2.10. Công tác phòng vệ thương mại (PVTM), chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ

Công tác áp dụng biện pháp PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước: Trước bối cảnh nhiều hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu bán phá giá hoặc được trợ cấp gây thiệt hại nghiêm trọng cho một số ngành sản xuất trong nước, công tác khởi kiện, điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM tiếp tục được tăng cường, đẩy mạnh tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước. Tính đến nay, Bộ Công Thương đã tiến hành điều tra 30 vụ việc PVTM (bao gồm 21 vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, 01 vụ việc chống trợ cấp, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẫn tránh biện pháp PVTM). Trong đó, đang có 17 biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực. Các biện pháp này đã góp phần bảo đảm môi trường thương mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và việc làm của hàng triệu lao động, góp phần bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội. Cụ thể: Tổng doanh thu hàng năm của các doanh nghiệp sản xuất trong nước tham gia các vụ việc PVTM ước đạt 475 nghìn tỷ đồng (năm 2023) với số lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp khoảng trên 36.000 người. Thu ngân sách hàng năm từ thuế PVTM đạt từ 1.200 đến 1.500 tỷ đồng; Bảo vệ các ngành sản

xuất quan trọng của Việt Nam như: ngành sản xuất thép (14 biện pháp); thực phẩm (05 biện pháp); hóa chất (04 biện pháp); vật liệu xây dựng (02 biện pháp); Thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp thu nộp ngân sách hàng năm hơn 1.000 tỷ đồng.

Công tác ứng phó với các vụ việc PVTM nước ngoài: Năm 2024, có dấu hiệu gia tăng đáng kể về số lượng các vụ việc điều tra PVTM đối với hàng xuất khẩu Việt Nam, bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ và điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM. Đến nay, đã có 272 vụ việc điều tra PVTM từ 25 thị trường và vùng lãnh thổ điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, bao gồm: các vụ điều tra chống bán phá giá (149 vụ việc), các vụ việc tự vệ (54 vụ việc), chống lẩn tránh biện pháp PVTM (39 vụ việc) và chống trợ cấp (30 vụ việc). Tính riêng năm 2024, có 26 vụ việc điều tra PVTM từ nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của ta. Trong đó, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Canada, Indonesia là các thị trường có xu hướng điều tra PVTM nhiều nhất đối với Việt Nam (Hoa Kỳ chiếm gần 50% tổng số vụ việc đã khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam).

Công tác chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ: Bộ Công Thương thường xuyên theo dõi và tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin nhằm chống lẩn tránh PVTM, gian lận xuất xứ; tuyên truyền, phổ biến nguy cơ tiềm ẩn và quyết tâm của Chính phủ trong việc chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp, lẩn tránh biện pháp PVTM; đưa ra các giải pháp, phương án tư vấn cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nhằm tránh bị các nước khác điều tra PVTM, lẩn tránh biện pháp PVTM. Qua đó giúp phát hiện và xử lý đối với doanh nghiệp cá biệt có vi phạm về xuất xứ hàng hóa hoặc chỉ thực hiện các công đoạn sản xuất có hàm lượng giá trị gia tăng không đáng kể tại Việt Nam.

Công tác cảnh báo sớm để hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện PVTM của nước ngoài khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được Bộ triển khai tích cực. Thường xuyên cập nhật danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, chống lẩn tránh PVTM (danh sách cập nhật vào tháng cuối hàng quý) gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan để phối hợp theo dõi. Đồng thời, theo dõi biến động xuất khẩu của hơn 50 mặt hàng có nguy cơ cao bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM hoặc điều tra chống lẩn tránh và gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp (Bộ đã đưa ra danh sách cảnh báo 17 mặt hàng để các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp triển khai các hoạt động cụ thể). Theo đó, công tác cảnh báo sớm cũng như hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua đã đem lại một số kết quả tích cực, nhờ đó các doanh nghiệp xuất khẩu không bị áp thuế PVTM hoặc bị áp thuế ở mức thấp, góp phần giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu.

2.11. Công tác phát triển thương mại điện tử (TMĐT) và kinh tế số

- Công tác hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về TMĐT được chú trọng nhằm đảm bảo hạ tầng pháp luật được đồng bộ, phù hợp với

thực tiễn; tiếp tục xây dựng chính sách phát triển TMĐT quốc gia cho giai đoạn 05 năm tiếp theo (2026 - 2030); phân tách trách nhiệm của các Bộ, ngành trong lĩnh vực TMĐT; khẳng định vai trò của Bộ Công Thương trong quản lý hoạt động TMĐT đồng thời đẩy mạnh hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu quản lý ngành về TMĐT và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi tham gia kinh doanh, giao dịch trên môi trường trực tuyến.

- Công tác thực thi pháp luật, thanh tra và xử lý các vấn đề liên quan đến TMĐT xuyên biên giới: Tính đến năm 2024, Bộ Công Thương đã tiếp nhận hồ sơ, tư vấn và hỗ trợ 89.802 doanh nghiệp, tổ chức và 27.878 cá nhân đăng ký tài khoản, thực hiện thủ tục thông báo cho 117.075 website TMĐT và 9.256 website cung cấp dịch vụ TMĐT thực hiện thủ tục đăng ký; Hồ sơ đăng ký của người dân và doanh nghiệp liên quan đến hoạt động TMĐT được thực hiện toàn bộ thông qua DVCTT toàn trình, đảm bảo xử lý nhanh chóng, hiệu quả và không phát sinh tiêu cực trong hoạt động thực thi công vụ.

- Vấn đề quản lý TMĐT xuyên biên giới: Bộ Công Thương đã kịp thời tham mưu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về TMĐT; nghiên cứu, đề xuất việc ban hành Luật chuyên ngành về TMĐT nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT xuyên biên giới; phối hợp với các Bộ, ngành nhằm tăng cường giám sát, phát hiện, xử lý vi phạm của các nền tảng TMĐT xuyên biên giới.

- Nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động TMĐT và phát triển kinh tế số ngành Công Thương, Bộ Công Thương đã tổ chức nhiều hoạt động về liên kết vùng phát triển thương mại điện tử, triển lãm các công nghệ, giải pháp chuyển đổi số, sản xuất thông minh, ứng dụng TMĐT, kích cầu tiêu dùng trong nước, thu hút người dân tham gia vào các hoạt động trải nghiệm TMĐT và công nghệ số, qua đó thúc đẩy phát triển TMĐT cấp vùng, giúp tăng cường nhận thức của người dân với TMĐT và thúc đẩy đầu tư, phát triển hạ tầng, giải pháp công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam. TMĐT đã khẳng định là một trong những lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, tạo động lực phát triển kinh tế và dẫn dắt chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Trong năm 2024, tăng trưởng thương mại điện tử B2C ước tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm 2023.

2.12. Công tác xúc tiến thương mại (XTTM)

Công tác hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực XTTM tiếp tục được Bộ Công Thương triển khai thực hiện, trong năm 2024 Bộ Công Thương trình Chính phủ xem xét, ban hành 02 Nghị định (Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương và (ii) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Hoạt động XTTM với nòng cốt là Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã được triển khai với định hướng: (i) đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường tận dụng và khai thác cơ hội từ các thị trường có FTA nhằm mang tính bền vững, cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài cho hoạt động xuất khẩu, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế. Các hoạt động XTTM thuộc Chương trình cấp quốc gia về XTTM trong năm 2024 đã hỗ trợ gần 6.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức XTTM địa phương, tham gia và hưởng lợi, trong đó tổng giá trị hợp đồng được ký kết trực tiếp tại các hội chợ, triển lãm quốc tế đạt trên 52 triệu USD (chưa bao gồm các hợp đồng được ký kết sau hội chợ, triển lãm, giao thương), doanh số bán hàng tại các hội chợ, triển lãm cấp vùng đạt gần 100 tỷ đồng; (ii) tăng cường các hoạt động XTTM phát triển thị trường trong nước, trong đó chú trọng các hoạt động thúc đẩy tính liên kết vùng cho sản phẩm, ngành hàng có thế mạnh của vùng, tăng cường kết hợp nguồn lực từ các hoạt động xúc tiến và từ các cơ quan bộ, địa phương, doanh nghiệp...; kết hợp có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại với xúc tiến đầu tư, văn hóa, du lịch,...

Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử quốc tế, Bộ Công Thương đã phối hợp với nền tảng thương mại điện tử Alibaba.com triển khai Gian hàng quốc gia Việt Nam - Vietnam Pavilion trên Alibaba.com; Phối hợp Alibaba tuyển chọn và công bố 100 doanh nghiệp tiêu biểu được lựa chọn tham gia Gian hàng quốc gia Việt Nam - Vietnam Pavilion.

Hoạt động phát triển thương hiệu với nòng cốt là Chương trình Thương hiệu Quốc gia (THQG) tiếp tục được Bộ Công Thương triển khai với nhiều hoạt động nhằm phát triển thương hiệu quốc gia, tăng cường nhận thức của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về Chương trình THQG Việt Nam và các sản phẩm đạt THQG Việt Nam, Chương trình hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài...

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại, hội chợ, triển lãm thương mại: Trong năm 2024, Bộ Công Thương tiếp nhận và giải quyết gần 3.000 hồ sơ TTHC về khuyến mại, ra Quyết định thu nộp ngân sách nhà nước trên 100 tỷ đồng là 50% giá trị của giải thưởng không có người trúng thưởng của gần 400 chương trình khuyến mại đã được Bộ xác nhận; xác nhận đăng ký tổ chức 03 hội chợ, triển lãm thương mại Việt Nam tại nước ngoài; Có công văn cho phép Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức trên 50 hội nghị, hội thảo quốc tế.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác XTTM tiếp tục được đẩy mạnh. Bộ Công Thương đã phối hợp với các chuyên gia, đơn vị chuyên ngành nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể Hệ sinh thái XTTM số với nhiều ứng dụng công nghệ thông tin thành phần đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghệ, kỹ thuật theo quy định; bảo đảm khả năng vận hành thông suốt, nâng cấp, mở rộng, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu. Đến

nay, một số cấu phần nền tảng trong Hệ sinh thái XTTM số đã và đang được hoàn thiện, phát triển đưa vào sử dụng bao gồm: (i) Hệ thống quản trị thông tin và điều hành XTTM (Vietrade CRM); (ii) Hệ thống đào tạo trực tuyến (Vietrade Edu); (iii) Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại (iTrace 247); (iv) Bản đồ XTTM sản phẩm nông sản Việt Nam (Vietrade Map); (v) Phần mềm hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo và các sự kiện XTTM (Event Automation); (vi) Nền tảng tổ chức hội chợ triển lãm trực tuyến (Virtual Exhibition); và một số nền tảng, hệ thống khác đang được nghiên cứu xây dựng...

2.13. Công tác phát triển khoa học công nghệ, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ và an toàn thực phẩm

- Triển khai Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành Công Thương đến năm 2030, Bộ Công Thương tiếp tục tập trung triển khai các Chương trình KH&CN cấp quốc gia và trọng điểm cấp Bộ. Các nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên cho các hoạt động hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp ưu tiên, gắn với yêu cầu về chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh; thực hiện các nghiên cứu tham mưu, tư vấn chính sách phát triển ngành, lĩnh vực. Đồng thời, đề thống nhất công tác quản lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Bộ Công Thương đã ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp bộ của Bộ Công Thương.

- Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch tổ chức, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ giai đoạn 2024 – 2025 (Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu sẽ sát nhập vào Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh; Viện Nghiên cứu, Thiết kế, Chế tạo Máy Nông nghiệp sẽ sát nhập vào Trường Đại học Việt Hưng).

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương theo hướng đồng bộ, hội nhập quốc tế. Trong năm 2024, đã chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố 20 dự thảo TCVN về tinh quặng, 02 TCVN về nhà máy nhiệt điện. Đồng thời, các đơn vị thuộc Bộ đã xây dựng, thẩm tra 12 dự thảo QCVN thuộc Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024 của Bộ Công Thương đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng đối với hồ sơ dự thảo QCVN theo quy định hiện hành.

Đã chủ động rà soát quy định pháp luật và báo cáo Thủ tướng Chính phủ liên quan đến những vướng mắc trong quá trình xây dựng, ban hành dự thảo QCVN về xăng dầu dự trữ quốc gia và đề xuất kiến nghị Thủ tướng chỉ đạo Bộ Tài chính một số nội dung (ngày 01 tháng 10 năm 2024, Phó Thủ tướng Chính

phủ Hồ Đức Phớc đã chỉ đạo dứt điểm giao Bộ Tài chính thực hiện đúng quy định pháp luật về thẩm quyền xây dựng, ban hành QCVN về xăng dầu dự trữ quốc gia tại Văn bản số 7047/VPCP-KTTH...).

Về công tác an toàn thực phẩm: Công tác hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được chú trọng (ban hành Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 về việc công bố TTHC, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương); tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thực phẩm sang thị trường Trung Quốc theo Lệnh 248 của Trung Quốc; phối hợp với các đơn vị chức năng, thương vụ thúc đẩy các nước gỡ bỏ các biện pháp khẩn cấp kiểm soát thực phẩm xuất khẩu như đối với mỳ ăn liền vào EU (mỳ ăn liền); sản phẩm bột mì vào thị trường Đài Loan. Vụ đã tập trung triển khai tháng Hành động ATTP năm 2024, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán...

2.14. Công tác hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật

Trong năm 2024, Bộ Công Thương đã chủ động, tích cực triển khai toàn diện các nhiệm vụ công tác thường xuyên, bám sát các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Công tác hoàn thiện thể chế tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong quá trình quản lý nhà nước của Bộ. Công tác xây dựng văn bản; theo dõi thi hành pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật... được triển khai tích cực, chủ động, linh hoạt và đảm bảo khả năng hoàn thành theo tiến độ đề ra. Tính từ đầu năm đến nay, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ **02 dự án luật** (Dự án Luật Điện lực (sửa đổi) và Dự án Luật Hóa chất (sửa đổi))¹² và Chính phủ đã trình Quốc hội, **08 dự thảo Nghị định** (trong đó có 03 Nghị định đã được ban hành); trình Thủ tướng Chính phủ 03 Quyết định (trong đó có **02 Quyết định** đã ban hành) và ban hành theo thẩm quyền **26 Thông tư**.

Về việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương: Theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Bộ Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 3422/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023), được điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 1959/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2024, Bộ Công Thương sẽ phải trình/ban hành 05 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 35 Thông tư. Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ đã trình Chính phủ 03 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Quyết định và ban hành theo thẩm quyền 20 Thông tư trong Chương trình năm 2024. Ngoài ra, Bộ đã trình Chính phủ ký ban hành 13 Nghị định do Bộ Công Thương trình từ năm 2022 và năm 2023; Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành 06 Thông tư ngoài Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024.

¹² (1) Dự án Luật Điện lực (sửa đổi); (2) Dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

Về việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình công tác của Chính phủ năm 2024: Theo Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng 02 dự án luật¹³, 06 dự thảo Nghị định¹⁴, 02 dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ¹⁵. Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ 02 dự án Luật (Chính phủ đã trình Quốc hội 02 Luật, trong đó ngày 30 tháng 11 năm 2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Điện lực); 04 dự thảo Nghị định¹⁶ (Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định¹⁷); và đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định¹⁸.

Nhìn chung, chất lượng công tác xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được nâng cao, bảo đảm các văn bản quy phạm pháp luật được kiểm soát chặt chẽ trước và sau khi ban hành; công tác phối hợp theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được đẩy mạnh; công tác phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện dưới các hình thức linh hoạt, đúng định hướng, gắn với việc quán triệt các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, đảm bảo các vấn đề phát sinh được giải quyết kịp thời, tránh khiếu kiện kéo dài.

2.15. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử Bộ Công Thương

Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tiếp tục được triển khai quyết liệt. Bộ Công Thương là một trong những đơn vị đầu tiên xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ liên quan đến TTHC nội bộ và xây dựng danh mục TTHC nội bộ tại Bộ; tích cực trong việc xây dựng các Văn bản QPPL để thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân tại Nghị quyết 100/NQ-CP;

¹³ (1) Luật Hóa chất (sửa đổi); (2) Luật Điện lực (sửa đổi);

¹⁴ (1) Nghị định bãi bỏ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; (2) Nghị định thay thế Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; (3) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi); (4) Nghị định quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng điện lớn; (5) Nghị định thay thế Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại; (6) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

¹⁵ (1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; (2) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng.

¹⁶ Nghị định bãi bỏ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

¹⁷ (1) Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (2) Nghị định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03/7/2024 quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn và (3) Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

¹⁸ Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

thực thi phương án phân cấp TTHC tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg; là đơn vị đi đầu trong việc rà soát, tiến tới cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao, tạo thuận lợi cho người dân cũng như cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Về triển khai Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Đến cuối năm 2024, Cổng Dịch vụ công (DVC) Bộ Công Thương đang cung cấp 267 DVCTT, trong đó, 168 DVCTT toàn trình, 99 DVCTT một phần. Tổng số hồ sơ nộp qua các DVCTT của Bộ đến hết tháng 10 năm 2024 là hơn 1,3 triệu bộ hồ sơ, tương ứng hơn 99% tổng số hồ sơ được gửi đến Bộ. Bộ Công Thương đã đưa tổng cộng 129 DVCTT của Bộ Công Thương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG). Đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương xếp thứ nhất trong số các bộ, ngành theo xếp hạng của Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp DVC (theo công bố trên Cổng DVCQG).

Trong năm 2024, Bộ Công Thương đã triển khai và cập nhật dữ liệu cho hệ thống cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức (CBCCVC) tại Bộ (tính hết tháng 10/2024, Bộ đã có dữ liệu của 10.582 CBCCVC đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCVC do Bộ Nội vụ quản lý).

2.16. Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác kiểm tra được triển khai theo Kế hoạch trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ về hoạt động kinh doanh xăng dầu, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, về kinh doanh rượu, hoạt động điện lực, quy trình vận hành hồ chứa thủy điện an toàn điện, việc sắp xếp, xử lý tài sản công, việc chấp hành quy định của pháp luật về khoáng sản...; Chỉ đạo sâu sát việc triển khai nghiêm túc các kiến nghị, kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, Điều tra và định kỳ báo cáo các cơ quan chức năng.

Công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đã tập trung xử lý theo đúng chức năng, thẩm quyền và các quy định của pháp luật, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm không để tồn đọng các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm.

Công tác tiếp công dân luôn được coi trọng, quan tâm chỉ đạo kịp thời, được thực hiện tốt và nghiêm túc theo Luật Tiếp công dân năm 2013 và theo Quy chế, quy trình tiếp công dân của Bộ Công Thương, giải quyết tâm tư, nguyện vọng và thắc mắc, kiến nghị của công dân, đồng thời hướng dẫn công dân thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2.17. Công tác triển khai kế hoạch vốn đầu tư công

Công tác triển khai kế hoạch vốn đầu tư công Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao 538,07 tỷ đồng. Đến hết 11 tháng năm 2024, Bộ Công Thương đã phân bổ chi tiết 381,115 tỷ đồng, đạt

70,8% tổng số vốn Thủ tướng Chính phủ giao. Giá trị giải ngân vốn NSNN đến hết tháng 11 năm 2024 đạt: 178,649 tỷ đồng, bằng 33,2% tổng kế hoạch vốn năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao. Dự kiến đến hết tháng 12/2024, giải ngân đạt: 259,76 tỷ đồng, bằng 54,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nguyên nhân chủ yếu Bộ Công Thương chưa phân bổ hết kế hoạch đầu tư công năm 2024 là do phát sinh thủ tục đầu tư dự án trong Khu Công nghệ cao Tp.HCM. Cụ thể: đến cuối năm 2023 dự án mới được giao đất, sau đó phải điều chỉnh quy hoạch cục bộ xây dựng tỷ lệ 1/500 nên không kịp triển khai, phải đăng ký kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn của năm 2023 sang năm 2024. Vì vậy không có khả năng tiếp nhận thêm kế hoạch vốn năm 2024.

2.18. Công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được triển khai tích cực, hiệu quả. Tập trung triển khai nghiêm chủ trương của Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, rà soát, sắp xếp, tinh giản bộ máy, đề xuất với Ban chỉ đạo Trung ương tinh giản tới gần 18% số đầu mối đơn vị trực thuộc Bộ, cao hơn mức tối thiểu Trung ương giao. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ bám sát các quy định về công tác cán bộ theo các văn bản hiện hành; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, rà soát tiêu chuẩn chính trị tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ trong việc thi hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc; Kịp thời phát hiện và xử lý kỷ luật nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có hành vi những nhiều, tiêu cực, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng được duy trì thường xuyên, gắn đào tạo bồi dưỡng với quy hoạch cán bộ và vị trí việc làm...Hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng ngành Công Thương đã tích cực khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo, bám sát kế hoạch, chỉ tiêu được giao, nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.

2.19. Các mặt công tác khác về thi đua khen thưởng, thông tin truyền... được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, quyết liệt, thực chất và đồng bộ; có sự định hướng và phối hợp truyền thông giữa các cơ quan truyền thông trong bộ và các đơn vị chức năng. Qua đó các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương và của Chính phủ đều được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động để thống nhất chỉ đạo, bám sát tổ chức triển khai thực hiện trong toàn ngành và đạt kết quả tốt.

IV. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Thứ nhất, về sản xuất công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do khó tiếp cận vốn dù lãi suất đã giảm, chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu tăng cùng với tỷ giá đồng USD tăng cao làm giảm tính cạnh tranh về giá của sản phẩm xuất khẩu; Khu vực sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài.

Mức độ liên kết và hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành và giữa các ngành còn hạn chế; liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn chậm nên chưa thúc đẩy phát triển kỹ năng quản trị, chuyển giao công nghệ, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành. Sự tham gia mạnh của các doanh nghiệp trong nước vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được cải thiện rõ nét.

Thứ hai, đối với lĩnh vực năng lượng: Hệ thống điện quốc gia về cơ bản đáp ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của nhân dân. Tuy nhiên, thực hiện chuyển dịch năng lượng từ các nguồn năng lượng hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới nhằm thực thi cam kết về giảm phát thải tại COP26... còn chậm; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh hiện đang vận hành ở mức đơn giản hóa do cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành thị trường điện vẫn còn đang trong quá trình đầu tư, nâng cấp; Cơ chế giá bán lẻ điện hiện nay chưa đồng bộ với thực tế phát triển thị trường điện (giá bán lẻ điện chưa được điều chỉnh kịp thời theo các biến động đầu vào của giá nhiên liệu trong khâu phát điện do cần đảm bảo kinh tế vĩ mô; giá điện chưa được hình thành theo từng khu vực địa lý...); Tốc độ tăng trưởng phụ tải điện luôn ở mức cao, tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo tăng cao trong những năm gần đây là một trong những thách thức lớn trong việc phát triển, vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Nếu các yếu tố bất lợi đồng thời xảy ra như lưu lượng nước thấp, nắng nóng gay gắt kéo dài, nhiều tổ máy phát điện gặp sự cố lớn, sẽ tiềm ẩn rủi ro một số khu vực phía Bắc có thể thiếu hụt công suất đỉnh tại một số giờ trong các ngày nắng nóng cao điểm.

Thứ ba, hoạt động xuất khẩu mặc dù phục hồi tăng trưởng nhanh nhưng thiếu bền vững, chịu nhiều tác động bởi các yếu tố bên ngoài. Phần lớn kim ngạch xuất khẩu của nước ta do các doanh nghiệp FDI mang lại (khoảng trên 70%) nhưng xuất khẩu của các doanh nghiệp này phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng toàn cầu và chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Trong hoạt động xuất khẩu vẫn còn phụ thuộc vào một số thị trường lớn, chủ yếu là với các quốc gia Đông Bắc Á, Hoa Kỳ, ASEAN, EU (kim ngạch xuất khẩu của nước ta tới 4 khu vực thị trường này chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước).

- Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... phải đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, các rào cản kỹ thuật liên quan đến môi trường, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

- Giá trị gia tăng trong xuất khẩu chưa được như kỳ vọng, phần lớn hàng xuất khẩu thuộc nhóm hàng gia công, chế biến và tập trung chủ yếu ở nhóm doanh nghiệp FDI (như dệt may, da giày, điện tử), tỷ lệ nội địa hóa thấp và phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, dẫn đến giá trị gia tăng thấp. Hàng nông nghiệp xuất khẩu chủ lực chủ yếu xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu

thô, sơ chế, khả năng đáp ứng yêu cầu về chất lượng của thị trường thế giới hạn chế.

- Mức độ tự do hóa thương mại và ký kết các FTA có xu hướng tăng nhưng còn hạn chế trong phát triển các mặt hàng xuất khẩu mới, chưa đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu. Nhiều ngành hàng chủ lực như nông, thủy sản, dệt may, da giày, điện tử vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chưa phát triển các sản phẩm công nghệ cao.

- Cơ cấu thị trường nhập khẩu chậm chuyển dịch theo hướng tăng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn; nhập siêu chủ yếu từ thị trường châu Á, chưa hướng mạnh vào phần cốt lõi của công nghiệp hóa; nhập khẩu nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất và xuất khẩu còn phụ thuộc vào một số thị trường.

- Toàn bộ thặng dư trong cán cân thương mại do các doanh nghiệp FDI mang lại; cán cân thương mại của doanh nghiệp trong nước liên tục thâm hụt với xu hướng tăng.

Thứ tư, hoạt động thương mại trong nước mặc dù cơ bản phục hồi so với các năm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng còn một số hạn chế.

- Hạ tầng thương mại phát triển không đồng đều, đặc biệt tại các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn. Chưa thu hút được đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc biệt các hạ tầng lớn có tính lan tỏa. Các loại hình hạ tầng thương mại truyền thống (như chợ) chưa được quan tâm đúng mức, phải cạnh tranh gay gắt với các loại hình hiện đại khác (như mua bán online, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi).

- Còn thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các bên trong chuỗi cung ứng hàng hóa (nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà vận chuyển, người tiêu dùng), nhất là đối với hàng thực phẩm tươi sống, thiết yếu, nên thị trường dễ bị biến động do tác động của tâm lý người tiêu dùng. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, găm hàng chờ tăng giá trên thị trường nội địa, vi phạm cạnh tranh... còn diễn biến phức tạp.

Thứ năm, trong hoạt động thương mại điện tử, vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng vẫn còn diễn biến phức tạp. Văn bản pháp lý về TMĐT mặc dù đã có các quy định về việc rà soát, kiểm soát, xử lý các thông tin vi phạm nhưng hoạt động vi phạm trong không gian mạng diễn ra ngày một tinh vi, đặt ra cho cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu cần có công cụ quản lý hiệu quả hơn.

- Mô hình TMĐT phát triển ngày càng phức tạp, đa dạng và chưa có quy định pháp luật điều chỉnh riêng biệt. Đặc biệt, đối với hoạt động livestreams bán hàng, hiện đang là xu hướng phát triển nhanh của TMĐT nhưng các quy định pháp lý về TMĐT mới chỉ điều chỉnh chung giống như một hoạt động quảng cáo đi kèm với bán hàng, chưa có các quy định riêng về các chủ thể tham gia livestream (người chủ tài khoản, người tham gia livestream), các trường thông

tin tối thiểu phải cung cấp cho người xem, trình độ chuyên môn của người thực hiện livestreams, định danh chủ tài khoản và các vấn đề về kiểm soát thông tin trong quá trình phát livestreams.

- Về kiểm soát TMĐT xuyên biên giới còn gặp nhiều khó khăn: Mặc dù Nghị định số 85/2021/NĐ-CP của Chính phủ đã có các quy định ban đầu về các điều kiện áp dụng cho chủ thể cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam nhưng các quy định chưa đủ mạnh và lan tỏa, dẫn đến việc nhiều nền tảng TMĐT xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam khi chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý chính thức.

2. Nguyên nhân của hạn chế

** Nguyên nhân khách quan*

- Kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp trong bối cảnh các cuộc xung đột lan rộng tác động sâu sắc, nhiều mặt đến kinh tế toàn cầu, gây sức ép tăng giá các mặt hàng chiến lược, khiến lạm phát toàn cầu giữ ở mức cao, xáo trộn chuỗi cung ứng làm giảm sự phục hồi của thương mại, đầu tư toàn cầu... Trong đó, tình hình chính trị thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhất là căng thẳng chính trị giữa các nước lớn, xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine kéo dài, căng thẳng leo thang tại khu vực Trung Đông và dải Gaza tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung và giá nhóm hàng nhiên liệu, năng lượng, lưu thông các hàng hóa khác và theo đó ảnh hưởng đến thị trường hàng hóa trong nước.

- Thị trường xuất khẩu tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa chắc chắn và không đồng đều; Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... phải đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, các rào cản kỹ thuật liên quan đến môi trường, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh.

- Trong những tháng đầu năm 2024, lạm phát cao ở Mỹ, EU và nhiều quốc gia khác khiến các nước duy trì lãi suất ở mức cao để giảm lạm phát làm giảm tăng trưởng kinh tế và giảm cầu, thị trường xuất khẩu gặp khó khăn, gây áp lực cho việc tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước.

- Tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, thách thức, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu phục hồi chậm đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước. Tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu nên nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trong nước tăng chậm lại so với cùng kỳ các năm trước.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Các doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu tiếp tục gặp khó trong việc mở rộng và đa dạng hóa thị trường do chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí tuân thủ cao (đặc biệt với các quy định, tiêu chuẩn mới), lãi suất cho vay mặc dù giảm dần nhưng còn cao.

- Mặc dù các hoạt động sản xuất, kinh doanh đã cơ bản hồi phục sau dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên do kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu trong nước gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó, việc giải ngân vốn đầu tư (cả khu vực công và tư) còn chậm, thu nhập của người lao động chưa ổn định nên người dân vẫn có xu hướng tiết kiệm chi tiêu, chủ yếu chỉ tập trung chi tiêu cho các hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm..., nhu cầu với các hàng hóa, dịch vụ khác chưa tăng trưởng tốt.

- Với sự phát triển của một số sàn thương mại điện tử của nước ngoài tại Việt Nam chưa được giám sát và kiểm soát chặt chẽ đã hỗ trợ cho tiêu thụ hàng hóa từ các nước lân cận, theo đó ảnh hưởng đến tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước. Đồng thời, nhiều hoạt động bán hàng trên các ứng dụng mạng xã hội chưa được quản lý và thống kê vào số liệu tiêu thụ hàng hóa của cả nước nên số liệu thống kê được công bố có thể đã chưa phản ánh đúng sức mua thực sự của người dân.

- Sự phối hợp trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giữa các đơn vị, bộ phận trong ngành và với bộ, ngành, địa phương có lúc, có việc còn chưa tốt; công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát ở một số đơn vị được giao thẩm quyền chưa sâu sát, kịp thời.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính tại một số cơ quan, đơn vị có lúc còn chưa nghiêm; còn nhiều nhiệm vụ chậm, quá hạn; Năng lực, trình độ, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao;

- Công tác quản lý nhà nước của ngành vẫn còn một số hạn chế, bất cập.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Quán triệt kịp thời, sâu sắc và tổ chức triển khai nghiêm túc, quyết liệt các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Quốc hội, các Nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Bám sát thực tiễn, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, phối hợp, chặt chẽ trong tổ chức thực hiện; theo dõi nắm chắc tình hình, chủ động dự báo để kịp thời ứng phó với những biến động bất ngờ của tình hình trong và ngoài nước nhằm có các giải pháp điều hành phù hợp.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Làm tốt công tác phân tích, đánh giá để rút bài học kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách; kịp thời điều chỉnh, đề xuất chính sách khả thi, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống bất ngờ có thể xảy ra; chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1. Bối cảnh quốc tế

Phát triển ngành Công Thương năm 2025 tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thế giới có những chuyển biến lớn và khó lường với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Một số xu hướng chính có tác động lớn đến phát triển công nghiệp và thương mại của Việt Nam trong năm 2025 như sau:

Thứ nhất, trong năm 2025, bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường. Hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, chiến tranh thương mại, phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt về kinh tế, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng. Theo báo cáo của IMF vào 17/7/2024, kinh tế toàn cầu đang hướng tới “hạ cánh mềm” nhưng cảnh báo vẫn còn rủi ro đối với triển vọng lạm phát, đặc biệt là ở các nền kinh tế tiên tiến. Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ đạt 3,3% vào năm 2024, trong đó các nền kinh tế thị trường đang phát triển và mới nổi được dự đoán sẽ tăng trưởng 4,3% trong cả năm 2024 và năm 2025. Gần đây nhất, trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới của IMF (công bố tháng 10/2024,) nhận định, khoảng cách tăng trưởng giữa các nền kinh tế đang dần thu hẹp so với thời điểm đầu năm 2024 và hoạt động kinh tế tiếp tục phục hồi; đồng thời, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 ở mức 3,2%, không đổi so với dự báo đã đưa ra vào tháng 7/2024.

Còn theo báo cáo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) vào tháng 5/2024, kinh tế toàn cầu trong năm 2024 duy trì mức tăng trưởng 3,1% như năm ngoái và tăng tốc lên mức 3,2% trong năm 2025. Tuy nhiên, đã phục hồi không đồng đều giữa các khu vực, khi lạm phát và lãi suất giảm với tốc độ khác nhau và sự cần thiết trong việc giảm thâm hụt ngân sách, nợ cũng có sự khác biệt, cụ thể: Kinh tế Mỹ được dự báo tăng 2,6% trong năm 2024, so với mức 2,1% theo dự báo trước đó và năm 2025 dự báo tăng 1,8% (mức dự báo trước đó là 1,7%); Kinh tế Trung Quốc cũng sẽ tăng tốc trong năm nay và năm 2025, với các dự báo được nâng từ mức tương ứng 4,7% và 4,2% lên 4,9% và 4,5%, nhờ các biện pháp kích thích tài chính; Tăng trưởng kinh tế của khu vực Eurozone sẽ đạt 1,5% trong năm 2025, so với mức dự báo tăng 1,3% đưa ra hồi tháng 2/2024, nhờ nhu cầu nội địa phục hồi; Thu nhập tăng, chính sách tiền tệ nới lỏng và các biện pháp cắt giảm thuế tạm thời của Nhật Bản sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của nước này tăng từ 0,5% năm 2024 lên 1,1% trong năm 2025...

Thứ hai, sự bất ổn, không chắc chắn của kinh tế toàn cầu tác động đến ổn định kinh tế vĩ mô và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian tới,

nhất là với nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam. Xu hướng phi toàn cầu hoá đang trở dậy mạnh mẽ; Chính sách bảo hộ của các nước ngày một tăng. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh tài chính, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng tác động mạnh, đa chiều, có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và Việt Nam.

Thứ ba, chuyển dịch kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế phát thải carbon thấp đang định hình lại các hình thức, loại hình dự án FDI trên toàn cầu (hạn chế tìm kiếm các dự án FDI với mục đích tận dụng chính sách vào bảo vệ môi trường mở hơn tại các nước đang phát triển). Đồng thời, việc các nước đang tiến tới áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể ảnh hưởng nhất định đến dòng vốn đầu tư trực tiếp toàn cầu và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của mỗi nước.

Thứ tư, cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang chuyển đổi cấu trúc của nền kinh tế thế giới, hiện bước vào giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa vào công nghệ và đổi mới sáng tạo đã mang đến cơ hội cho các nước đang phát triển như Việt Nam đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ để thực hiện công nghiệp hóa đất nước và bắt kịp các nước phát triển; nhưng cũng phải đối mặt với các thách thức rất lớn với mô hình tăng trưởng hiện đang phụ thuộc nhiều vào lợi thế nguồn nhân lực giá rẻ khi lợi thế này đang bị cạnh tranh lớn bởi máy móc và tự động hóa, xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến đang phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI...

2. Bối cảnh trong nước

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, là năm chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, hướng tới thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Kế hoạch phát triển của ngành Công Thương năm 2025 được xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen, khi nền kinh tế nước ta có độ mở lớn trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức và những yếu kém nội tại của nền kinh tế chậm được khắc phục, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội trong bối cảnh biến động của địa chính trị và kinh tế thế giới diễn ra phức tạp, nhiều khó khăn thách thức sẽ tiếp tục tạo ra những thuận lợi trong thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất kinh doanh thời gian tới. Năm 2025, Việt Nam có cơ hội đón nhận dòng vốn đầu tư từ các công ty Mỹ, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và bán dẫn, có thể thúc đẩy quá trình hiện đại hóa công

nghiệp (công ty công nghệ bán dẫn hàng đầu của Mỹ, Nvidia đã quyết định chọn Việt Nam làm địa điểm đặt trung tâm R&D đầu tiên của Nvidia tại ASEAN).

Kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét trong năm 2024 sẽ là tiền đề thuận lợi cho năm 2025 (tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 đạt khoảng 7%, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực, thế giới và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao). Cơ sở hạ tầng được đầu tư mạnh mẽ, nhất là hệ thống đường cao tốc và đường điện, tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối và phát triển kinh tế. Khung thể chế hoàn thiện nhiều hơn với việc ban hành các luật mới như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản và Luật Đấu thầu... Đặc biệt là sự nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ và các địa phương sẽ tiếp tục được nâng cao và kỳ vọng năm 2025 “về đích” của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025), làm nền tảng cho xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2026 - 2030).

Theo đó, các tổ chức quốc tế uy tín tiếp tục đánh giá và liên tục điều chỉnh dự báo tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2025 và thời gian tới. Trong báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) mới cập nhật (công bố ngày 13/12/2024), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam là 6,6%, tăng so với mức dự báo trước đó là 6,2% nhờ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2024 và Việt Nam đang tận dụng tốt cơ hội từ thương mại và đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng bất chấp những thách thức toàn cầu. Trong Báo cáo cập nhật tình hình kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương vừa được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 08/10/2024 đã nâng mức dự báo kinh tế Việt Nam tăng 6,5% trong năm 2025 (cao hơn mức dự báo 6% hồi tháng 4/2024). Với dự báo mức tăng trưởng này, tăng trưởng GDP của Việt Nam cao hơn 8 quốc gia trong khu vực ASEAN và Trung Quốc.

Thứ hai, cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục phát triển mạnh mẽ, cùng với những nỗ lực từ phía Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, xây dựng Chính phủ điện tử, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng... Cùng với đó, Chính phủ đã và sẽ tiếp tục nỗ lực đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 để tạo sự tăng trưởng đột phá, từ đó tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế nói chung, sẽ là những yếu tố thuận lợi đối với sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại trong năm 2025.

Thứ ba, kinh tế số, thương mại điện tử tiếp tục được quan tâm hỗ trợ, thúc đẩy và được ứng dụng rộng rãi trong doanh nghiệp và cộng đồng, tạo động lực mạnh mẽ hơn thúc đẩy xuất khẩu và tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa, đặc biệt là hàng hóa nông sản, thực phẩm. Công tác phòng vệ thương mại và công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần bảo vệ sản xuất trong nước.

Thứ tư, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường, thể hiện qua việc tham gia và triển khai các cam kết kinh tế quốc tế tạo ra những cơ hội đối với sản xuất công

nghiệp và thương mại của nước ta, tạo thêm lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, tạo điều kiện để hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào các thị trường, đối tác với thuế quan ưu đãi, thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng mạnh trong thời gian tới. Các hiệp định FTA đã ký với các đối tác thị trường lớn của Việt Nam, đặc biệt là việc ký kết Hiệp định FTA với UAE giúp khai mở thị trường tiềm năng tại Trung Đông - châu Phi trong thời gian tới, sẽ tiếp tục có tác động tích cực đối với thương mại, đầu tư và đặc biệt là xuất khẩu... sẽ là những điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường này, từ đó tạo động lực đối với tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2025.

Thứ năm, xu hướng phát triển kinh tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số ngày càng rõ nét; chuyển dịch kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế phát thải carbon thấp đang định hình lại các hình thức, loại hình dự án FDI trên toàn cầu; xu hướng gia tăng các hàng rào bảo hộ thương mại phi thuế quan tại nhiều khu vực thị trường lớn, đặc biệt là các biện pháp phòng vệ thương mại; Diễn biến giá cả hàng hóa toàn cầu trở nên khó dự đoán; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành xu thế rõ nét..., bên cạnh những thời cơ cũng sẽ mang lại cả thách thức, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với mọi quốc gia, dân tộc, trong đó có Việt Nam.

Thứ sáu, với nền kinh tế có độ mở cao, ngày càng hội nhập sâu và tham gia sâu vào chuỗi giá trị gia tăng trên thế giới, Việt Nam không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của những biến động từ bên ngoài trong bối cảnh rủi ro, thách thức còn rất lớn đối với triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2025. Kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nhiều chiều từ những biến động của kinh tế thế giới.

II. MỤC TIÊU NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2025

Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược, cơ cấu lại các ngành lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong toàn ngành. Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông nguồn lực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh; quyết liệt thực hiện các dự án quan trọng, công trình trọng điểm. Phát triển ngành công nghiệp với cơ cấu hợp lý theo ngành và lãnh thổ, có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh đàm phán, đàm phán nâng cấp và ký kết có chọn lọc các FTA mới, tận dụng triệt để, hiệu quả các ưu đãi do các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký mang lại để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu; đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm và giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, chủ động bảo vệ lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất trong nước và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân; Đẩy mạnh khai

thác và phát triển thị trường nội địa và phát triển thương hiệu Việt; phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng; lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Một số mục tiêu cụ thể năm 2025

Thực hiện chỉ đạo mới nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 ở mức cao 8%, Bộ Công Thương đã đề xuất nâng các chỉ tiêu tăng trưởng trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại năm 2025 để đưa vào Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Cụ thể:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) phấn đấu tăng khoảng 9-10% so với năm 2024.

- Xuất khẩu hàng hoá phấn đấu tăng khoảng 12% so với năm 2024.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phấn đấu tăng khoảng 10% so với năm 2024.

- Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống ước đạt 347,5 tỷ kWh, tăng khoảng 12,2% so với năm 2024. Trong đó, tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà) 82.097 MW, tăng khoảng 6,2% so với năm 2024.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển của ngành Công Thương trong năm 2025, Bộ Công Thương tập trung vào một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Các nhiệm vụ chung

Một là, tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ; Khẩn trương xây dựng Kế hoạch hành động và tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả ngay từ ngày đầu tháng đầu năm 2025 các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01 của Chính phủ, góp phần cùng cả nước thực hiện thành công các Chương trình, nhiệm vụ đã đề ra.

Hai là, tiếp tục xác định công tác xây dựng thể chế, chính sách là một trong ba đột phá chiến lược, trong đó khẩn trương triển khai cụ thể Luật điện lực (sửa đổi) và các chủ trương lớn được Quốc hội thông qua tại kỳ họp 8 (như khởi động lại các dự án điện hạt nhân Ninh Thuận). Đồng thời, tổ chức triển khai và

tiếp tục nghiên cứu, tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Điện lực sửa đổi; hoàn thiện dự thảo Luật Hoá chất trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp 9; trình Quốc hội dự thảo Luật phát triển Công nghiệp trọng điểm, Luật sử dụng Năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong năm 2025.

Chú trọng hoàn thiện cơ chế quản lý của nhà nước với phát triển công nghiệp, hạn chế sự chông chéo, bảo đảm tính ổn định, nhất quán, khuyến khích phát triển sản xuất Tăng cường thu hút đầu tư cho phát triển công nghiệp. Hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi, thông thoáng gắn với công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn vốn trong xã hội và đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quy mô đầu tư cả về nguồn vốn và phạm vi. Kêu gọi các tập đoàn lớn, đa quốc gia tham gia đầu tư các dự án quan trọng trong danh mục dự án trọng điểm quốc gia kêu gọi FDI.

Ba là, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp và tái cấu trúc doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo Đề án đã được phê duyệt. Xây dựng cơ chế và lộ trình phát triển số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, đặc biệt quan tâm phát triển doanh nghiệp hỗ trợ. Có cơ chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam có cơ hội giao lưu, kết nối doanh nghiệp cũng như tăng cường xúc tiến, thu hút, tìm kiếm đối tác đầu tư từ nước ngoài.

Bốn là, tích cực tham mưu tổng kết cơ chế, chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích, ràng buộc các doanh nghiệp FDI có sự lan tỏa, chia sẻ, hỗ trợ thực chất các doanh nghiệp trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng quản trị, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt để từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Năm là, tập trung khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực và ký kết, triển khai các Hiệp định mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng. Tăng cường khai thác các thị trường lân cận, còn tiềm năng, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu, thúc đẩy xuất khẩu bền vững. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại.

Sáu là, phát triển mạnh thương mại nội địa để khai thác có hiệu quả thị trường trong nước. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử để khai thác hiệu quả hơn sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế; tăng cường hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, cạnh tranh không bình đẳng, phòng vệ thương mại... bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, bình đẳng cho doanh nghiệp.

Bấy là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; chủ động phối hợp xử lý công việc gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động, tạo chuyển biến mạnh trong toàn hệ thống.

Tám là, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất công nghiệp. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ có đủ năng lực tiếp thu làm chủ công nghệ mới, sáng tạo công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) để có thể tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo một số sản phẩm công nghệ cao, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các đối tác chiến lược.

1.2. Giải pháp cụ thể đối với một số ngành

(i) Ngành sản xuất và phân phối điện

- Tập trung công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bám sát sự chỉ đạo thường xuyên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai xây dựng các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về lĩnh vực điều tiết điện lực được giao tại Kế hoạch kế hoạch triển khai luật điện lực đảm bảo tính thống nhất, kịp thời và hiệu quả. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị tuyên truyền, phổ biến Luật điện lực năm 2025 đến người dân, các tổ chức, doanh nghiệp.

- Về công tác điều hành giá điện năm 2025: Tiếp tục thực hiện tốt công tác điều hành giá điện năm 2025; ban hành biểu giá chi phí tránh được, khung giá phát điện, giá bán buôn điện cho các Tổng công ty Điện lực, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ năm 2025; kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện, kiểm tra phương án giá điện các nhà máy điện.

- Về công tác thị trường điện: Giám sát vận hành thị trường điện, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, các vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị tham gia thị trường điện; theo dõi, phối hợp với các bên liên quan trình hoặc thực hiện các đề án, đặc biệt là Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn (DPPA).

- Về công tác giám sát cung cấp điện: Chỉ đạo, điều hành đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất, sinh hoạt trong năm 2025; Tổ chức các Đoàn công tác của Bộ Công Thương làm việc về công tác chuẩn bị bảo đảm cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân trong năm 2025, đặc biệt là trong các tháng cao điểm mùa khô; Thực hiện công tác giám sát hoạt động NSMO quốc gia, kịp thời phát hiện các vấn đề bất cập, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

(ii) Đối với ngành Dầu khí

- Tiếp tục chú trọng công tác xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách (xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành: Chiến lược phát triển ngành dầu khí quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Hiệp định liên Chính phủ giữa Việt Nam - Liên bang Nga trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam và trên lãnh thổ Liên bang Nga). Đồng thời, tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện khung pháp lý đối với ngành dầu khí, đảm bảo phù hợp với Luật Dầu khí (sửa đổi) đã được thông qua nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình mới của ngành dầu khí.

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở trong nước, nhất là ở những vùng nước sâu, xa bờ; bảo đảm tìm kiếm, thăm dò dầu khí đi trước một bước, nhằm gia tăng và đặt cơ sở trữ lượng dầu khí cho sự phát triển bền vững, lâu dài của ngành Dầu khí.

- Tích cực chỉ đạo các nhà thầu dầu khí tiếp tục rà soát, đánh giá tiềm năng các dự án tìm kiếm thăm dò để có giải pháp tối ưu đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò tận dụng lợi thế giai đoạn thị trường dịch vụ có lợi thế cho bên sử dụng dịch vụ do ảnh hưởng bởi tác động suy thoái kinh tế trên toàn cầu, tối ưu chi phí vận hành đối với các mỏ đang khai thác, tiết giảm chi phí hạ giá thành khai thác, tối ưu hóa quy trình công nghệ, tích cực triển khai nghiên cứu công tác khoan đàn dầy để góp phần đảm bảo sản lượng khai thác theo kế hoạch, gia tăng sản lượng khai thác với điều kiện đảm bảo an toàn mỏ.

- Khai thác hiệu quả các mỏ hiện có; tích cực triển khai phát triển và đưa các mỏ đã có phát hiện dầu khí vào khai thác một cách hợp lý và hiệu quả để sử dụng tài nguyên dầu khí trong nước lâu dài.

- Chủ động và tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, các Bộ/ngành trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của PVN, góp phần tăng cường sự hiện diện và khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên thực tế, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên biển Đông. Theo dõi, giám sát, báo cáo Lãnh đạo Bộ tổ chức các buổi làm việc riêng với các Tập đoàn như PVN để kịp thời nắm được tình hình hoạt động, các khó khăn, vướng mắc và có chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc công tác thực hiện chiến lược, quy hoạch ngành thuộc lĩnh vực Dầu khí.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc hoạt động đầu tư, xây dựng các công trình trong lĩnh vực Dầu khí.

- Tiếp tục triển khai các Chiến lược, Quy hoạch, Chương trình, Đề án liên quan như: Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có phân ngành Dầu khí); Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030; Đề án thị trường năng lượng cạnh tranh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chỉ đạo, đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty tăng cường công tác sản xuất, không để gián đoạn, đứt gãy nguồn cung các sản phẩm thiết yếu (dầu thô, khí tự nhiên, xăng dầu,...) thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh theo tháng.

- Đôn đốc PVN, các Nhà thầu dầu khí triển khai kế hoạch tìm kiếm thăm dò thăm lượng năm 2024, đảm bảo hoàn thành Kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên đôn đốc tiến độ triển khai các dự án trọng điểm về dầu khí, báo cáo Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn của các dự án.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc cung cấp khí cho sản xuất điện.

(iii) Đối với ngành Than

- Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ đề ra trong Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam; Chiến lược phát triển ngành than Việt Nam; nội dung quy hoạch phân ngành than trong Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục chỉ đạo, điều hành, các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện.

- Thường xuyên theo dõi và bám sát tình hình cấp than cho sản xuất điện năm 2024 để kịp thời xem xét, chỉ đạo các vấn đề phát sinh..

- Kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, các khó khăn, vướng mắc với các doanh nghiệp ngành Than trong sản xuất kinh doanh.

- Theo thăm quyền, chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp ngành Than đẩy mạnh hoạt động đầu tư, xây dựng các công trình trong lĩnh vực công nghiệp Than đảm bảo tiến độ theo quy hoạch liên quan; tăng cường đổi mới công nghệ, tiết giảm chi phí hợp lý trong các khâu sản xuất; thực hiện tốt công tác thông tin và dự báo, bám sát tình hình thị trường, điều kiện thực tế xây dựng kế hoạch và sản xuất kinh doanh phù hợp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường than, đảm bảo kế hoạch được duyệt; hoàn thiện cơ chế quản trị tài chính doanh nghiệp, tăng cường quản lý kỹ thuật, tăng năng suất, giảm giá thành để đảm bảo cân đối tài chính của các đơn vị ngành Than.

- Chỉ đạo các đơn vị ngành Than tăng cường công tác quản lý an toàn lao động, hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tăng cường kiểm tra hiện trường hạn chế tối đa các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện các nội dung liên quan đến Nghị định sửa đổi Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV.

- Đôn đốc các đơn vị liên quan trong việc thực hiện Đề án thị trường năng lượng cạnh tranh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020.

2. Các giải pháp đối với xuất nhập khẩu

2.1. Giải pháp chung

- Tiếp tục theo dõi thông tin kịp thời cho các Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp về những diễn biến của thị trường xuất khẩu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp, nhất là những thay đổi trong chính sách thương mại của các thị trường lớn như Mỹ, Trung Quốc; Tiếp tục duy trì đều đặn các hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ đạo hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài; các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của thị trường nước ngoài có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và khuyến nghị đối với các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Tích cực triển khai đa dạng các hình thức (trực tiếp và trực tuyến) để giới thiệu các lợi thế, ưu đãi từ các Hiệp định FTA đã thực thi để tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định.

- Tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó tập trung thúc đẩy ở mức cao nhất chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu.

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh thực hiện thông qua dịch vụ công trực tuyến giúp tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được giao về triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển hoạt động thương mại biên giới bền vững thông qua thúc đẩy xuất khẩu qua các cửa khẩu biên giới theo hình thức chính ngạch, điều hành, khai thông hiệu quả hoạt động xuất khẩu sang Trung Quốc.

2.2. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại (XTTM)

- Triển khai công tác XTTM theo hướng đa dạng hóa thị trường, khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường trong các Hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường chủ lực, thị trường lớn; tăng cường khai thác các thị trường mới, thị trường còn tiềm năng. Xây dựng, triển khai kế hoạch xúc tiến thương mại theo định hướng về nhóm thị trường trọng điểm, nhóm mặt hàng ưu tiên theo từng giai đoạn, phù hợp với diễn biến của kinh tế thế giới, tận dụng các cơ hội thị trường quốc tế cũng như thị trường trong nước.

- Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp thông qua các chương trình tư vấn cung cấp thông tin sâu, cập nhật về thị trường, dự báo các thay đổi về chính sách thương mại, các tiêu chuẩn, quy định, thị hiếu tiêu dùng của các thị trường nhập khẩu, qua đó góp phần tạo thế chủ động, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam khi tiếp cận thị trường quốc tế; đào tạo về kỹ năng xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ thông tin vào xúc tiến thương mại;...

- Triển khai XTTM góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chú trọng xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, không khuyến khích phát triển sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng thâm dụng tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường qua đó hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh mới, tham gia sâu và hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2169/QĐ-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021 - 2030.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC, đặc biệt là công tác công bố công khai TTHC hạn chế tình trạng chậm tiến độ, quy định về thời hạn công bố, công khai TTHC.

- Xây dựng ban hành và triển khai kịp thời các Kế hoạch thực hiện để cụ thể hóa việc thực thi các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Chính phủ về công tác Kiểm soát TTHC; Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ KSTTHC đẩy mạnh đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Tập trung triển khai thực hiện Đề án rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ đã được Bộ phê duyệt.

2.4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải thiện hoạt động quản lý nhà nước trong ngành Công Thương

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế; đảm bảo tiến độ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng VBQPPL hàng năm của Bộ Công Thương, nhất là khâu xây dựng chính sách, nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc, thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực này, hạn chế tối đa tình trạng lùi/rút văn bản khỏi Chương trình xây dựng văn bản QPPL. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc đơn giản hóa, thông thoáng và tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp trong việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản QPPL ngành Công Thương.

- Tiếp tục xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành văn bản của cấp trên cũng như rà soát, cập nhật các VBQPPL phục vụ quản lý nhà nước ngành công thương và tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, cắt giảm điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành và thủ tục hành chính theo lĩnh vực quản lý ngành.

- Kiểm soát tốt công tác thẩm tra, thẩm định văn bản QPPL nhằm nâng cao chất lượng lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL, công tác thẩm định văn bản QPPL.

- Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh: Tiếp tục triển khai thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương năm 2025; Tiếp tục rà soát các quy định và xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, tham gia rà soát với vai trò của thành viên Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật; rà soát hiệu lực văn bản, ban hành Quyết định công bố VBQPPL hết hiệu lực.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì tham mưu, xây dựng và ban hành, nhằm kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ những nội dung không còn phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội; ngăn chặn việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

2.5. Thực hiện tốt công tác chống gian lận xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại (PVTM)

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, củng cố thể chế về PVTM để triển khai hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về việc chủ động hoàn thiện hệ thống PVTM để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong

nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Tích hợp công cụ PVTM vào các kế hoạch, chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất trong nước.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về các biện pháp PVTM, đặc biệt là tính chất, tác động của các biện pháp này để có cách tiếp cận phù hợp.

- Tiếp tục nâng cao năng lực về PVTM để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là củng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt xử lý các vụ việc PVTM giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương; giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước; giữa các cơ quan quản lý Nhà nước và hiệp hội ngành hàng.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án lớn về PVTM, gồm: Đề án 316 “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về PVTM”; Đề án 824 “Tăng cường quản lý Nhà nước về chống lấn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ”; Đề án 1659 “Nâng cao năng lực về PVTM trong bối cảnh tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới”.

- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, truyền truyền, phổ biến tới cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, các tổ chức/cá nhân liên quan về pháp luật PVTM, các vụ việc điều tra PVTM thông qua tổ chức tọa đàm, hội thảo, đào tạo bồi dưỡng; xây dựng, duy trì bản tin điện tử/bản tin giấy về PVTM; các báo cáo PVTM theo tháng, quý, năm.

3. Về thị trường trong nước

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực được phân công¹⁹.

Thứ hai, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy phát triển thị trường trong nước: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Quyết định số 2888/QĐ-BCT ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch của ngành Công Thương triển khai thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường trong nước; Công điện số 121/CD-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng.

Thứ ba, tiếp tục theo dõi, dự báo điều tiết cung - cầu hàng hóa: Tiếp tục

¹⁹ Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu thay thế Nghị định số 80/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định thay thế Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; Nghị định bãi bỏ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Nghị định thay thế Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, Nghị định 51/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP.

phối hợp với các Bộ, ngành địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, bảo đảm đủ nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân, nhất là trong các dịp cao điểm lễ, Tết, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị truyền thông trong và ngoài Bộ cung cấp thông tin đầy đủ đến người dân về tình hình giá cả thị trường, các điểm bán hàng bình ổn, tình hình nguồn cung... để tạo tâm lý ổn định cho người tiêu dùng, xử lý kịp thời các thông tin sai lệch gây tâm lý bất ổn cho người tiêu dùng.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thực phẩm: Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong Bộ, Sở Công Thương các địa phương, các Hiệp hội, ngành hàng thực hiện nghiêm, hiệu quả các văn bản đã chỉ đạo nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nông sản của các tỉnh trên địa cả nước; Bám sát, theo dõi hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp hoạt động lưu thông, tiêu thụ nông sản của các địa phương, đảm bảo nông sản được lưu thông, tiêu thụ thông suốt không bị ứ ứ; Phối hợp, hỗ trợ các tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030”.

Thứ năm, chú trọng công tác quản lý và phát triển hạ tầng thương mại: Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn triển khai Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Phối hợp triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại (tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong giai đoạn 2021-2025; mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 11856) về chợ kinh doanh thực phẩm...).

Đối với công tác quản lý các mặt hàng kinh doanh có điều kiện: Tăng cường triển khai công tác hậu kiểm, kiểm tra, rà soát, hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc thực hiện các điều kiện kinh doanh xăng dầu theo quy định; Thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; Nghiên cứu, rà soát cơ chế chính sách quản lý mặt hàng rượu, thuốc lá để đề xuất sửa đổi phù hợp; Tăng cường ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện kế hoạch hậu kiểm theo chương trình.

Thứ sáu, tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, Đề án về phát triển thị trường trong nước như: Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2023; Tiếp tục triển khai việc hỗ trợ xây dựng điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP tại một số địa phương theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP....

4. Đối với công tác quản lý thị trường

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, Bộ Công Thương về công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả và triển khai Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử đến năm 2025.

- Chủ động nắm vững diễn biến tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách, kịp thời phát hiện, nhận diện các vấn đề nổi cộm, các lĩnh vực mặt hàng vi phạm mới nổi để đấu tranh ngăn chặn, xử lý. Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng như Công an, Hải quan, Thuế, Bộ đội biên phòng, Thanh tra chuyên ngành trong đấu tranh phòng, chống buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng, vi phạm về an toàn thực phẩm,...

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin với các Doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhất là trên môi trường mạng.

- Tiếp tục phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí đăng tải các hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại trên thị trường tham gia đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả bằng các hình thức đa dạng, thiết thực; thực hiện ký cam kết không kinh doanh hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng và kiểm tra đối với những cơ sở kinh doanh đã ký cam kết và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Quán triệt thực hiện nghiêm túc quy định, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ trong toàn lực lượng. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để chấn chỉnh kịp thời những sai sót nghiệp vụ trong quá trình kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm của tổ chức, cá nhân trong lực lượng QLTT; kịp thời biểu dương các cá nhân, đơn vị có thành tích.

5. Về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Tập trung triển khai Luật Cạnh tranh, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện văn bản hướng dẫn thực thi trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. Tiếp tục kiện toàn Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức, góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Tập trung, tăng cường hoạt động thanh, kiểm tra thường xuyên hoặc đột

xuất (nếu có) đối với các doanh nghiệp liên quan đến việc chấp hành pháp luật về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.

** Về lĩnh vực cạnh tranh*

- Đẩy mạnh công tác điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh; công tác giám sát cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng.

- Công tác đàm phán về cạnh tranh: Hiệp định khung ASEAN về Cạnh tranh (AFAC); Chương Cạnh tranh trong các Hiệp định gồm: Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Canada (ACAFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA); Hiệp định khung về kinh tế kỹ thuật số (DEFA)...

- Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Tiếp tục triển khai Chỉ thị 30-CT/TW; đẩy mạnh hoạt động tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại qua Tổng đài điện thoại 1800 6838, qua Website, Email và đường Bưu điện.

Tiếp tục tham gia đàm phán Hiệp định Khung về Kinh tế số (DEFA) và Hiệp định FTA nâng cấp 3.0 ASEAN – Trung Quốc (ACFTA).

Tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- *Về Quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*: Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; Tăng cường công tác cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng nhận diện, phòng tránh các biểu hiện biến tướng của kinh doanh đa cấp cho mọi tầng lớp nhân dân.

6. Về công thương địa phương

- Thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại. Đôn đốc triển khai các nhiệm vụ được phân công tại các Nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Chính phủ đối với Bộ Công Thương. Phối hợp với các Sở Công Thương chuẩn bị tổ chức Hội nghị ngành Công Thương, Hội nghị công tác Khuyến công, Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại 3 khu vực Bắc, Trung, Nam. Tiếp tục xử lý kiến nghị các Đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh được phân công.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí KCQG năm 2025 hướng đến ưu tiên các đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn, đặc

biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tiếp tục định hướng hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng thông qua các nội dung: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; lựa chọn xây dựng các mô hình về chế biến nông lâm - thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp, mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn, phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương; Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất. Chuyển đổi số, đổi mới máy móc thiết bị, nâng cấp quy trình công nghệ; áp dụng giải pháp về sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc đưa ra các sản phẩm có tính chất bảo vệ môi trường, bền vững...

- Tổ chức thực hiện quản lý CCN theo thẩm quyền; hướng dẫn, trả lời các kiến nghị của các địa phương liên quan đến quản lý CCN. Tổ chức xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu CCN cả nước. Tổ chức đoàn một số đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý, phát triển CCN tại một số tỉnh, thành phố và thực hiện các nhiệm vụ Hoạt động phát triển CCN năm 2025. Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm phát triển CCN tại nước ngoài. Theo dõi, báo cáo tình hình quy hoạch, đầu tư phát triển CCN ở các địa phương, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với các địa phương.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm 2025; Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 26/2014/TT-BCT và Thông tư số 14/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu; Tiếp tục thực hiện Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Đầu mối của Bộ Công Thương công nhận, quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động của mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương; Tiếp tục triển khai nhiệm vụ xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Theo dõi hoạt động làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công tại các Chương trình mục tiêu quốc gia; Kiểm tra, giám sát thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu Bộ Công Thương phụ trách và theo Chương trình công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo Trung ương.

7. Phát triển thương mại điện tử, xây dựng Chính phủ điện tử

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật TMĐT nhằm: Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, thống nhất hệ thống pháp luật về TMĐT trong mối tương quan với các luật khác, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; Hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2026-2030; Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT trong thời gian vừa qua cũng như đề phù

hợp với xu thế đổi mới do công nghệ thông tin đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực TMĐT.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trong địa phương; đẩy mạnh công tác thống kê hoạt động TMĐT; Tiếp tục thực hiện hoạt động rà soát, giám sát, cảnh báo, thanh tra vi phạm trong TMĐT, đặc biệt đối với các nền tảng số xuyên biên giới.

- Tiếp tục tổ chức, triển khai các hoạt động tuyên truyền, đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người tiêu dùng trên môi trường mạng; đẩy mạnh hoạt động liên kết vùng, kết nối giao thương thông qua TMĐT và khuyến khích doanh nghiệp trong nước tham gia TMĐT xuyên biên giới như một công cụ xuất khẩu hữu ích.

** Đẩy mạnh chuyển đổi số, Chính phủ điện tử/số tại Bộ Công Thương*

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống nền tảng nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính tại Bộ Công Thương; ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Công Thương và Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Công Thương phiên bản 3.0;

- Phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển TMĐT, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ; phối hợp với Bộ Công an về việc triển khai công tác định danh cá nhân, tổ chức trên cổng dịch vụ công Bộ Công Thương và triển khai kế hoạch chuyển hạ tầng, dữ liệu về trung tâm dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết 175/NQ-CP.

8. Giải pháp về hội nhập kinh tế quốc tế

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để thực hiện đồng bộ giữa công tác hội nhập kinh tế ngoài nước và hội nhập kinh tế trong nước, đặc biệt chú trọng việc gắn việc thực thi đầy đủ các cam kết HNKTQT với quá trình rà soát, bổ sung và hoàn thiện pháp luật và thể chế trong nước, hài hòa hóa pháp luật của Việt Nam với các cam kết quốc tế để hỗ trợ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan phát huy tính chủ động của Việt Nam trong đề xuất, thực thi các sáng kiến nhằm hiện thực hóa các mục tiêu hợp tác đã được các nhà lãnh đạo thống nhất trong các khuôn khổ hợp tác, các tổ chức đa phương và khu vực như WTO, ASEAN, APEC,... Đảm bảo nghĩa vụ và quyền lợi thành viên của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác, tạo các cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam tận dụng các cơ hội phát triển kinh doanh, thương mại, đầu tư.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các nội dung, chính sách mới về hội nhập kinh tế quốc tế làm cơ sở cho công tác điều phối liên ngành và chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới.

- Đảm bảo tiến độ và tiến trình đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), đàm phán FTA ASEAN - Canada (ACAFTA), ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) và thực hiện các thủ tục phê chuẩn trong nước để Hiệp định đi vào hiệu lực; tiếp tục xây dựng phương án tổ chức và tham gia các phiên họp/hội nghị thường niên trong khuôn khổ các hiệp định: ASEAN - Úc - Niu Di-lân (AANZFTA), ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định RCEP.

- Năm 2025, ASEAN sẽ hoàn thành kế hoạch thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và tiếp tục thực hiện Kế hoạch chiến lược xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2026-2030, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045. Việt Nam và các nước thành viên ASEAN sẽ nỗ lực hoàn tất đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) và thực hiện các thủ tục phê chuẩn trong nước để đưa Hiệp định đi vào hiệu lực.

- Tiếp tục theo dõi và tổ chức các đoàn ra trong khuôn khổ thực thi các FTA đã có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, UKVFTA...) và đàm phán các FTA mới.

- Đối với Hiệp định CEPA Việt Nam - UAE: Hoàn thiện các thủ tục ký kết văn kiện Hiệp định bằng tiếng Việt và tiếng Ả - rập; Hoàn thiện các thủ pháp lý trình để Chính phủ phê duyệt Hiệp định và xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thực thi Hiệp định CEPA.

- Tiếp tục theo dõi và tổ chức các phiên đàm phán theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến trong Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng (IPEF).

- Tiếp tục thực hiện thông tin, tuyên truyền về Chiến lược tham gia các FTA của Việt Nam trong giai đoạn tới..

9. Về an toàn môi trường công nghiệp

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra tại các đơn vị về việc chấp hành các quy định pháp luật về công tác an toàn trong khai thác chế biến khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp; an toàn điện; an toàn đập hồ chứa thủy điện và quản lý vận hành hồ chứa quặng đuôi.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong ngành công thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực tốt nhiệm vụ thường trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong ngành Công Thương. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định về PCTT tại các đơn vị trước mùa mưa bão theo phân công của Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ về Phòng chống khủng bố giai đoạn 2023-2026 đã được phê duyệt.

10. Giải pháp về công tác tổ chức cán bộ

- Tiếp tục thực hiện 2 Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: Nghị quyết số

18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; trong đó tập trung chỉ đạo sắp xếp các đơn vị bên trong Bộ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo TW về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW.

- Tiếp tục triển khai rà soát tổ chức bộ máy Bộ Công Thương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đánh giá tổng kết việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Công Thương qua 4 nhiệm kỳ (20 năm), phụ vụ xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ trong nhiệm kỳ 2026-2031.

- Rà soát, nghiên cứu các quy định của Đảng, Nhà nước để bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức..., nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động... Thực hiện công tác quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức của Bộ theo phân cấp...

- Hoàn thiện xác định cơ cấu vị trí việc làm theo theo Thông tư số 04/2024/TT-BNV về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch cán bộ, vị trí việc làm nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ quản lý tốt đáp ứng yêu cầu của việc kiện toàn và nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước; tổ chức thực hiện bồi dưỡng Cao cấp lý luận chính trị, hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ,...

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương phát động nhằm phát hiện, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua. Chú trọng phát động các phong trào thi đua chuyên đề, đột xuất gắn liền với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2025.

- Chỉ đạo triển khai tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước ngành Công Thương lần thứ IV và Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025 theo Kế hoạch số 5601/KH-BCT ngày 01/8/2024 Bộ Công Thương./.

Phụ lục

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

Biểu số 1. Các chỉ tiêu về điện

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2025		
				Mục tiêu	Kết quả thực hiện	So với thực hiện năm 2023 (%)	Kế hoạch 2025 với kế hoạch 2024 (%)	Kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024 (%)	
1	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	76066	78645	77331	1,70%	82097	4,4%	6,2%
2	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn, (không bao gồm điện năng lượng tái tạo)	%	21,2	17,5	17,9-18,8		15,4		
3	Điện sản xuất và nhập khẩu	Tỷ kWh	281,3	310,6	309,7	10,1%	344,7	10,98%	11,30%
	Điện sản xuất		277,1	305,1	304,8	10,0%	337,1	10,49%	10,60%
	Điện nhập khẩu		4,2	5,5	4,9	16,7%	7,6	38,18%	55,10%

Biểu số 2. Các chỉ tiêu về xuất nhập khẩu

T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2025		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	So với kế hoạch 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)
	XUẤT KHẨU								
	Tổng trị giá	Tỷ USD	354.7	376.0	403.0	113.6%	451.0	119.9%	111.9%
	Khu vực kinh tế trong nước		97.6	106.0	116.0	118.9%	131.0	123.6%	112.9%
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		257.2	270.0	287.0	111.6%	320.0	118.5%	111.5%
	Tốc độ tăng trị giá XK	%	-4.6	6.0	13.6		12.0		
I	NHẬP KHẨU								
	Tổng trị giá	Tỷ USD	326.4	361.0	380.0	116.4%	426.0	118.0%	112.1%
	Khu vực kinh tế trong nước		110.2	122.0	130.0	117.9%	146.0	119.7%	112.3%
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	%	216.1	239.0	250.0	115.7%	280.0	117.2%	112.0%
	Tốc độ tăng trị giá XK	%	-9.2	10.6	16.4		12.0		
I	CÂN CÂN THƯƠNG MẠI		28.4	15.0	23.0		25.0		

Biểu số 3. Các chỉ tiêu về công nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu 2024	Đánh giá 2024		Dự kiến đạt được	Kế hoạch 2025
				Đạt	Không đạt		
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	7-8	x		8,3	9-10
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	24,1-24,2	x		24.1	

Biểu số 4. Các chỉ tiêu về một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Năm 2025		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với Thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	So với kế hoạch 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)
-	Thép các loại	Triệu tấn	44.75	47	50.292	112	51	109	101
	Trong đó:	Triệu tấn							
	Sắt thép thô	Triệu tấn	22.2	23	24.864	112	25	109	101
	Thép cán	Triệu tấn	10.1	11	11.11	110	11	100	99
	Thép thanh, thép góc	Triệu tấn	12.45	13	14.32	115	15	115	105
-	Quặng Apatit	Triệu tấn							
-	Alumina	Ngàn tấn	1,400	1,300	1,400	100	1,300	100	93
-	Ô tô	Ngàn chiếc	368	240	386	105	400	167	104
-	Xe máy	Ngàn chiếc	3,012	3,300	3,020	100	2,973	90	98
-	Động cơ diezen (VEAM)	Cái	12,900	6,800	5,200	40.3	6,800	100	131

-	Máy công cụ (MIE)	Cái	996	1,100	690	69.3	720	65	104
-	Điện thoại di động	Triệu cái	210.5	238	205	97.4	220	92	107
-	Tivi	Triệu cái	11,252.6	14,500	14,750	131.1	15,500	107	105
-	Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m2	755.4	710	1,000	132	1,050	148	105
-	Vải dệt từ sợi tổng hợp và nhân tạo	Triệu m2	1,099.7	1,050	1,300	118	1,370	130	105
-	Quần áo mặc thường	Triệu cái	5,712.0	5,300	7,000	123	7,300	138	104
-	Giày dép da	Triệu đôi	271.3	315	330	122	350	111	106
-	Thuốc lá điều	Triệu bao	7,533	7,533	7,500	100	7,500	100	100
-	Bia các loại	Triệu lít	4,176	4,200	4,200	101	4,300	102	102
-	Giấy các loại	Triệu tấn	6.99	7.05	7	103	7.3	104	101
-	Sữa bột	Triệu tấn	154	156	156	101	158	101	101
-	Dầu mỏ khai thác	Triệu tấn	10,41	8,2	9,743	118,82%	8,3	101,2%	87,61%
-	Trong nước	Triệu tấn	8,63	6,71	8,0	119,22%	6,8	101,2%	85%
-	Ngoài nước	Triệu tấn	1,78	1,49	1,743	116,98%	1,49	100%	85,5%

-	Khí đốt (khí thiên nhiên)	Tỷ m ³	7,47	5,1	6,44	126,3%	6,1	119,6%	119,6%
-	Khí hóa lỏng (LPG)	Nghìn tấn	810	765	780	96,30	765	100%	98%
-	Xăng dầu các loại	Triệu tấn	12,632	13,01	14,39	113%	15,087	115%	104.84%
-	Than([1])								
+	Than sạch thành phẩm	Triệu Tấn	47,87	63.71	60.23	94.53	61.58	96.65	102.24
	- Than sạch thành phẩm sản xuất	"	42,34	42.91	43.81	102.08	42.38	98.75	96.74
	- Than sạch thành phẩm mua ngoài	"	9,20	20.80	16.42	78.94	19.20	92.31	116.93
	Trong đó: Nhập khẩu	"	9,20	20.80	16.42	78.94	18.30	87.98	111.45
+	Than tiêu thụ	Triệu Tấn	46,50	61.30	58.12	94.80	61.50	100.33	105.82
	Trong đó: Xuất khẩu	"	0,79	1.43	0.66	46.15	2.05	143.36	310.61

[1] Số liệu tổng hợp của các doanh nghiệp lớn ngành than (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Đông Bắc).

(*) Chưa có số liệu do Kế hoạch 5 năm của các doanh nghiệp chưa được phê duyệt.

tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2025		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	So với kế hoạch 2024 (%)	So với ước thực hiện cả năm 2024 (%)
	TM trong nước								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn Tỷ đồng	5.916,3(*)	6.792 (**)	6.449	9,0			10,0
2	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	10,3	9,0		9,0			10,0